

# LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

20

NHÀ LÝ SUY VONG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



*Chủ biên*  
**TRẦN BẠCH ĐĂNG**  
*Biên soạn*  
**LÊ VĂN NĂM**  
*Họa sĩ*  
**NGUYỄN QUANG VINH**



# **LỊCH SỬ VIỆT NAM**

---

## **BẰNG TRANH**

**TẬP 20: NHÀ LÝ SUY VONG**

Tái bản lần thứ 4

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nhà Lý suy vong / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Lê Văn Năm biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Quang Vinh. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

112 tr. ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.20).

1. Việt Nam - Lịch sử - Triều đại nhà Lý, 1009-1225 - Sách tranh . I. Trần Bạch Đằng. II. Lê Văn Năm. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam - History - Lý Dynasty, 1009-1225 - Picture books.

**959.7023 -- dc 22**

**N577**

## LỜI GIỚI THIỆU

*Từ sau vua Lý Nhân Tông, các vua triều Lý tiếp nhận mệnh trời khi hãy còn ấu thơ. Do nền tảng vững chắc, nhà Lý vẫn tiếp tục được duy trì. Nhưng không may thay, Thái hậu không ai được như Nguyên phi Ỗ Lan, phụ thần như Đỗ Anh Vũ, Đỗ Kính Tu, Đàm Dĩ Mông cũng chẳng thể nào sánh bằng Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành. Sau cái chết của Tô Hiến Thành, nhà Lý bước vào con đường suy vong.*

*Do có công phù trợ vua đánh dẹp phản loạn, nhà Trần nắm việc phụ chính. Từ đây, quyền chính đều nằm trong tay nhà Trần. Vua Lý Huệ Tông không có con trai nối nghiệp, Chiêu Thánh công chúa lên ngôi vua. Cuối năm 1225, Trần Thủ Độ ép vua truyền ngôi cho Trần Cảnh. Nhà Lý đến đây là chấm dứt.*

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 20 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Nhà Lý suy vong” phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Quang Vinh thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 20 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.*

Thành phố Hồ Chí Minh  
**TRẦN BẠCH ĐĂNG**

Nhà Lý suy tàn từ thời vua Lý Cao Tông (1175-1210), tuy rằng đã có những dấu hiệu từ thời Lý Anh Tông. *Đại Việt sử ký toàn thư* nhận xét: “vua Cao Tông chơi bời vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liên năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy”.

Trần Thủ Độ ép vua Lý Huệ Tông nhường ngôi cho Chiêu Thành công chúa, gọi là Lý Chiêu Hoàng, sau lại ép Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh và ép Thượng hoàng Lý Huệ Tông tự vẫn. Nhà Lý chấm dứt, nhà Trần thay thế từ đó.

Vua Lý Nhân Tông không có con nên lúc sinh thời đã lập Dương Hoán, con của Sùng Hiền hầu em ruột mình, làm thái tử. Khi Nhân Tông mất, Dương Hoán lúc bấy giờ mới được 12 tuổi, nối ngôi tức Lý Thần Tông (1128). Thần Tông tôn Sùng Hiền hầu làm Thái Thượng hoàng và mẹ là Đỗ thị làm Hoàng thái hậu.



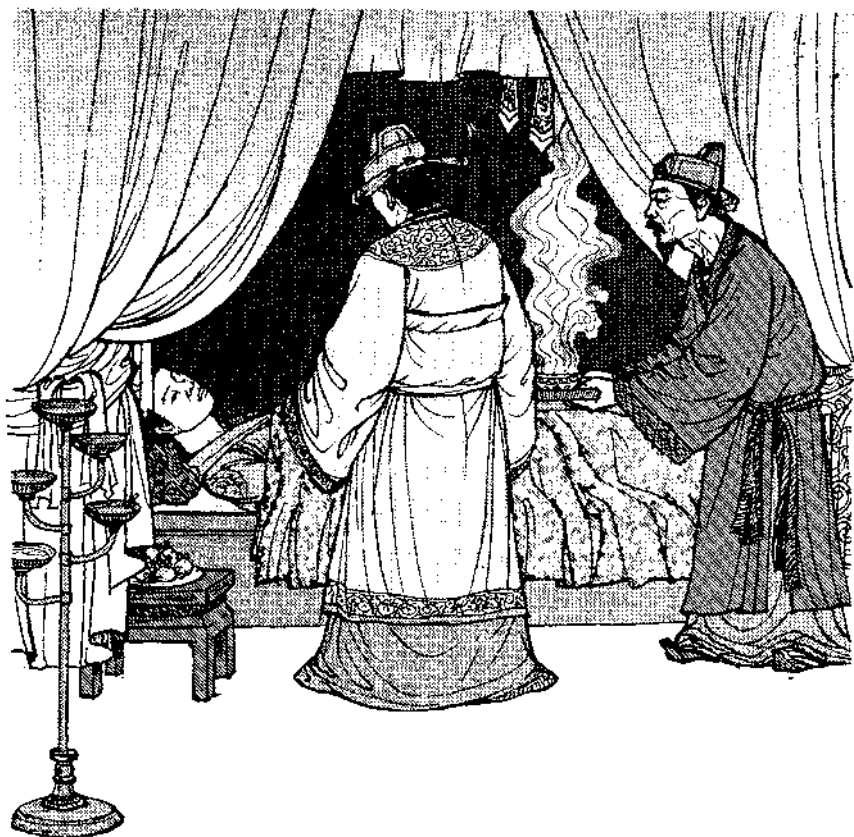
Không như các vua đời trước chuyên tâm vào việc trị nước, vua Lý Thần Tông chỉ mãi mê sưu tập những vật lạ trong dân gian để thỏa mãn những ham thích của mình. Biết tính vua, nhiều người dâng các con thú lạ như ngựa trắng bờm đen, bốn chân có cựa hay chim sẻ trắng... để được ban thưởng. Có kẻ được phong chức tước nhờ dâng hươu trắng hoặc báo nơi có hươu trắng để quân lính tìm bắt đem về.





Có người còn dâng lên vua con rùa có nét vằn trên mai giống chữ Hán. Vua cho là điềm lành, bảo các quan thử đọc xem đó là những chữ gì. Nhiều vị quan đọc thành cả một câu dài ca ngợi nhà vua. Sử gia Ngô Sĩ Liên khi chép về việc này đã bảo: *“Còn như trên ức rùa có nét chữ chỉ là những vết trắng, nét đen xen nhau mà thôi, bây tôi nhận là văn tự, đó là chiều ý vua mà nói nịnh thôi, có phải thực có chữ đâu”*.





Năm 1136, vua Thần Tông lâm bệnh nặng, các quan ngự y ra sức chạy chữa cho vua mà vẫn không khỏi. Cuối cùng, phải nhờ đến sư Minh Không chữa trị. Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành, sinh năm 1066, mất năm 1141, quê ở Đàm Xá, Gia Viễn, Ninh Bình. Theo truyền thuyết dân gian thì Thần Tông là do Từ Đạo Hạnh thác sinh ra, mà Từ Đạo Hạnh và Minh Không vốn là bạn thân từ bé\*. Cả hai cùng xuất gia tu hành và học được pháp thuật cao cường.

---

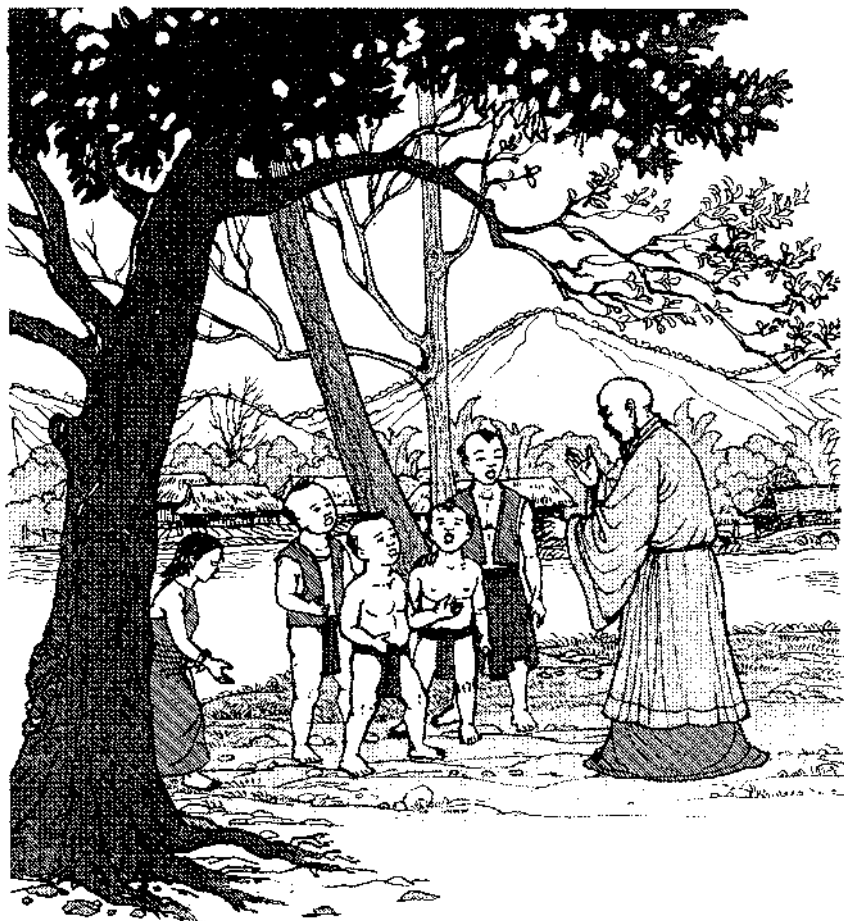
\* Cũng có tài liệu ghi chép Minh Không là học trò của Từ Đạo Hạnh.

Một lần, hai người đang đi trên đường, Đạo Hạnh muốn thử tài của Minh Không nên vượt lên trước, hóa thành hổ, núp trong bụi rậm. Khi Minh Không đi đến, hổ nhảy ra vồ. Minh Không nhìn biết ngay là do Từ Đạo Hạnh biến hóa nên ung dung bảo: “Đạo huynh đây à? Đạo huynh lại muốn hóa làm thú dữ để hại người ư? Khỏi cần làm thế, kiếp sau huynh sẽ được toại nguyện mà”.



Từ Đạo Hạnh biết mình còn thua bạn nên hiện nguyên hình, chấp tay bái Minh Không và khẩn khoản nói: “Ngu đệ không tự biết mình nên trót xúc phạm, xin đạo huynh tha thứ. Sau này nếu đệ có sa vào nghiệp chướng ấy thì xin huynh ra tay cứu giúp”. Về sau, Từ Đạo Hạnh thác sinh vào làm con của Sùng Hiền hầu và lên ngôi vua tức Thần Tông. Còn Nguyễn Minh Không trở về quê cũ, trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ trong làng.



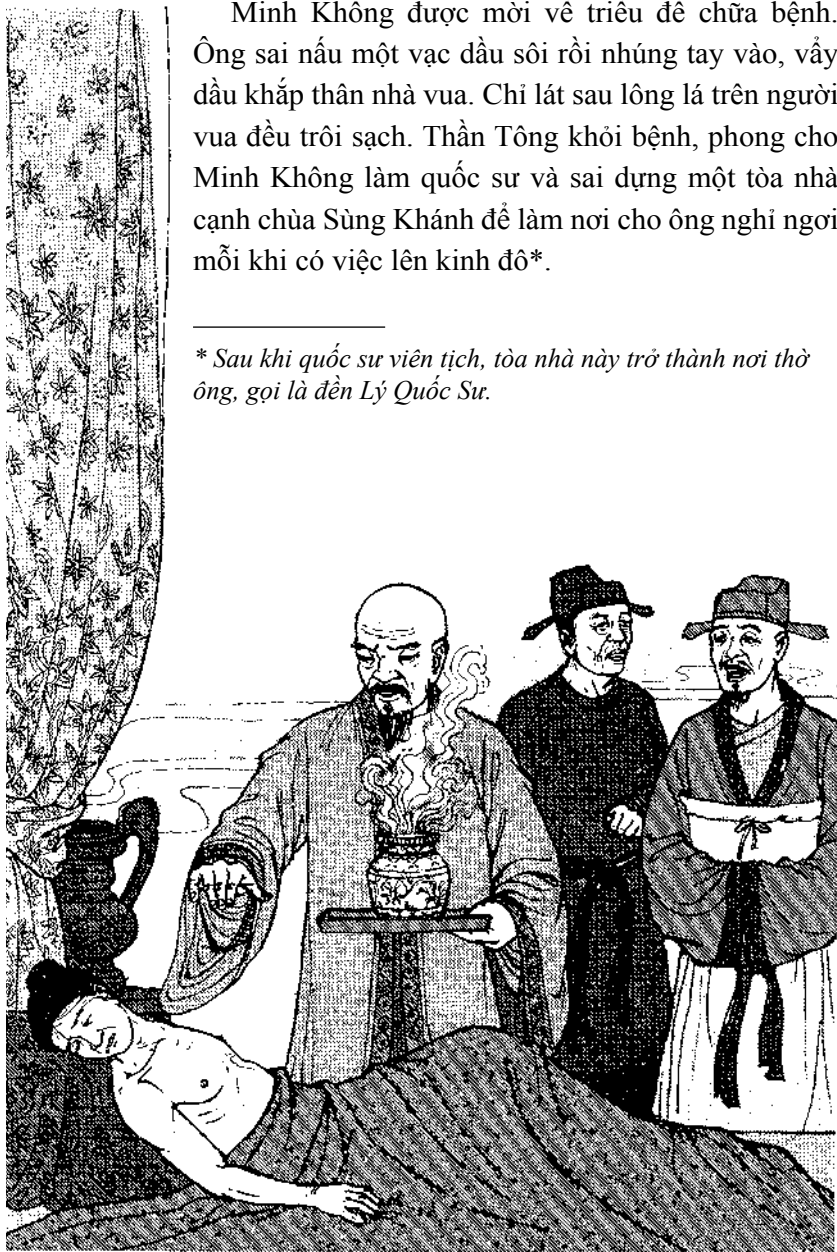


Lý Thần Tông bị mắc chứng bệnh lạ lùng, khắp người mọc lông lá như hổ, không ai chữa khỏi được. Nghe tin, Minh Không dạy cho trẻ con hát câu đồng dao: “*Dục y Lý cứu trùng, tu cầu Nguyễn Minh Không*” (Muốn chữa bệnh vua Lý, phải cầu Nguyễn Minh Không). Câu hát đó được bọn trẻ truyền nhau và cuối cùng lan đến cung vua.

Minh Không được mời về triều để chữa bệnh. Ông sai nấu một vạc dầu sôi rồi nhúng tay vào, vẩy dầu khắp thân nhà vua. Chỉ lát sau lông lá trên người vua đều trôi sạch. Thần Tông khỏi bệnh, phong cho Minh Không làm quốc sư và sai dựng một tòa nhà cạnh chùa Sùng Khánh để làm nơi cho ông nghỉ ngơi mỗi khi có việc lên kinh đô\*.

---

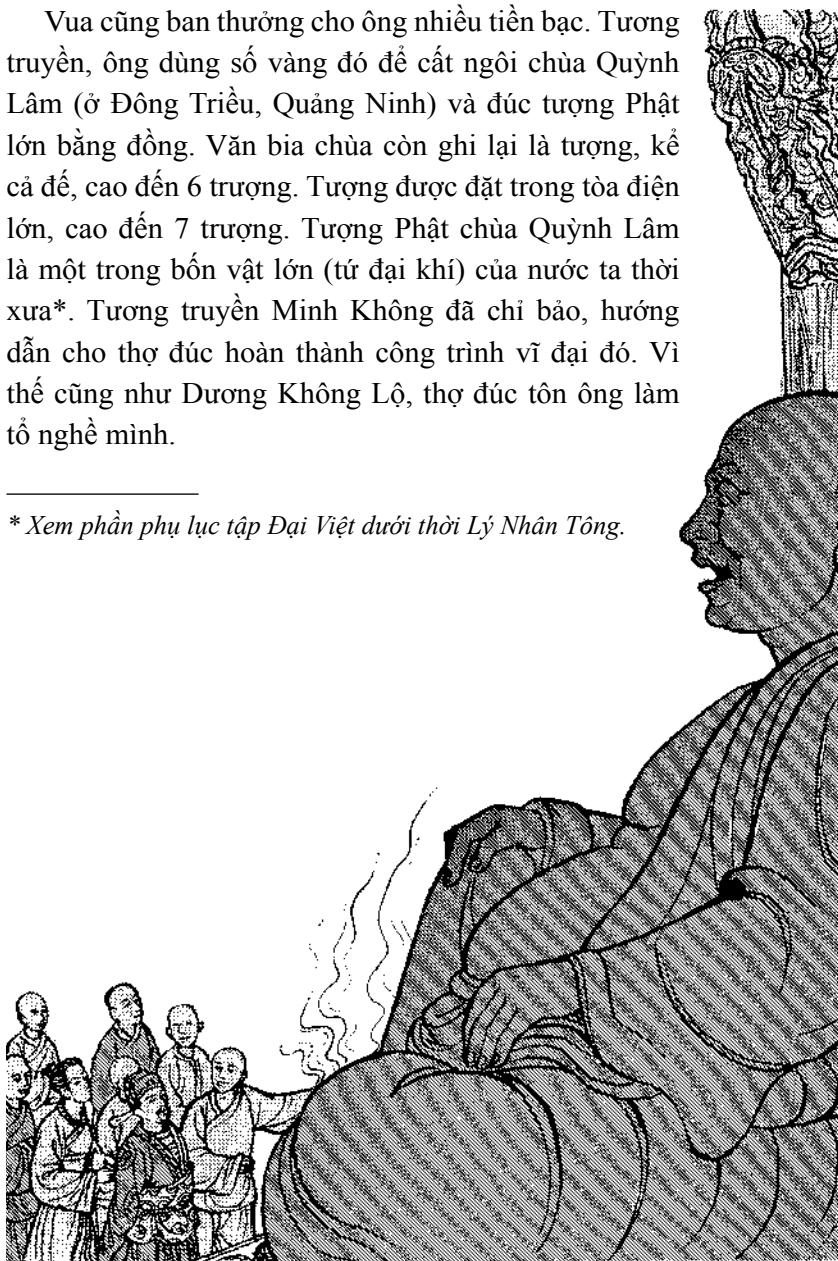
*\* Sau khi quốc sư viên tịch, tòa nhà này trở thành nơi thờ ông, gọi là đền Lý Quốc Sư.*



Vua cũng ban thưởng cho ông nhiều tiền bạc. Tương truyền, ông dùng số vàng đó để cất ngôi chùa Quỳnh Lâm (ở Đông Triều, Quảng Ninh) và đúc tượng Phật lớn bằng đồng. Văn bia chùa còn ghi lại là tượng, kể cả đế, cao đến 6 trượng. Tượng được đặt trong tòa điện lớn, cao đến 7 trượng. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm là một trong bốn vật lớn (tứ đại khí) của nước ta thời xưa\*. Tương truyền Minh Không đã chỉ bảo, hướng dẫn cho thợ đúc hoàn thành công trình vĩ đại đó. Vì thế cũng như Dương Không Lộ, thợ đúc tôn ông làm tổ nghề mình.

---

*\* Xem phần phụ lục tập Đại Việt dưới thời Lý Nhân Tông.*





Thần Tông mất sớm (năm 1138), lúc mới 23 tuổi. Thái tử Thiên Tộ vừa tròn 3 tuổi lên ngôi, tức Lý Anh Tông. Hoàng hậu họ Lê trở thành Thái hậu, nắm quyền nhiếp chính. Đỗ Anh Vũ là em của bà Thái hậu họ Đỗ (mẹ của Thần Tông) được cử giữ chức vụ quan trọng quyết định mọi việc lớn nhỏ trong triều.



Đỗ Anh Vũ lại tư thông với cháu dâu là Lê thái hậu vì thế càng thêm kiêu căng, hống hách. Tại triều đình, y lớn tiếng la hét mọi người. Khi sai bảo quan lại làm việc thì chỉ hất hàm ra hiệu chứ không thèm nói. Các quan tuy rất ghét nhưng chẳng ai dám hé môi.



Năm 1150, Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái cùng phò mã Dương Tự Minh và một vài quan lại khác không chịu nổi những hành vi quá lạm quyền của Anh Vũ, cùng dẫn quân đến cửa cung hô to lên: “Anh Vũ ra vào cung cấm, làm nhiều điều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi để khỏi mối lo về sau”.



Anh Tông, lúc bấy giờ đã 14 tuổi, sai cấm quân bắt Anh Vũ để tra xét. Lê thái hậu rất lo lắng, tìm cách gỡ tội cho y. Thái hậu sai người ngấm để vàng trong đồ đựng thức ăn của Anh Vũ để y nuốt lót cho Vũ Cát Đài và những người có nhiệm vụ canh giữ.





Nguyễn Dương, một trong những người chống Anh Vũ, thấy thế bảo: “Các ông tham của đút lót, tôi và các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng giết hắn trước cho khỏi tai họa về sau”. Nói xong, Dương cầm giáo xông vào ngục định đâm chết Anh Vũ.

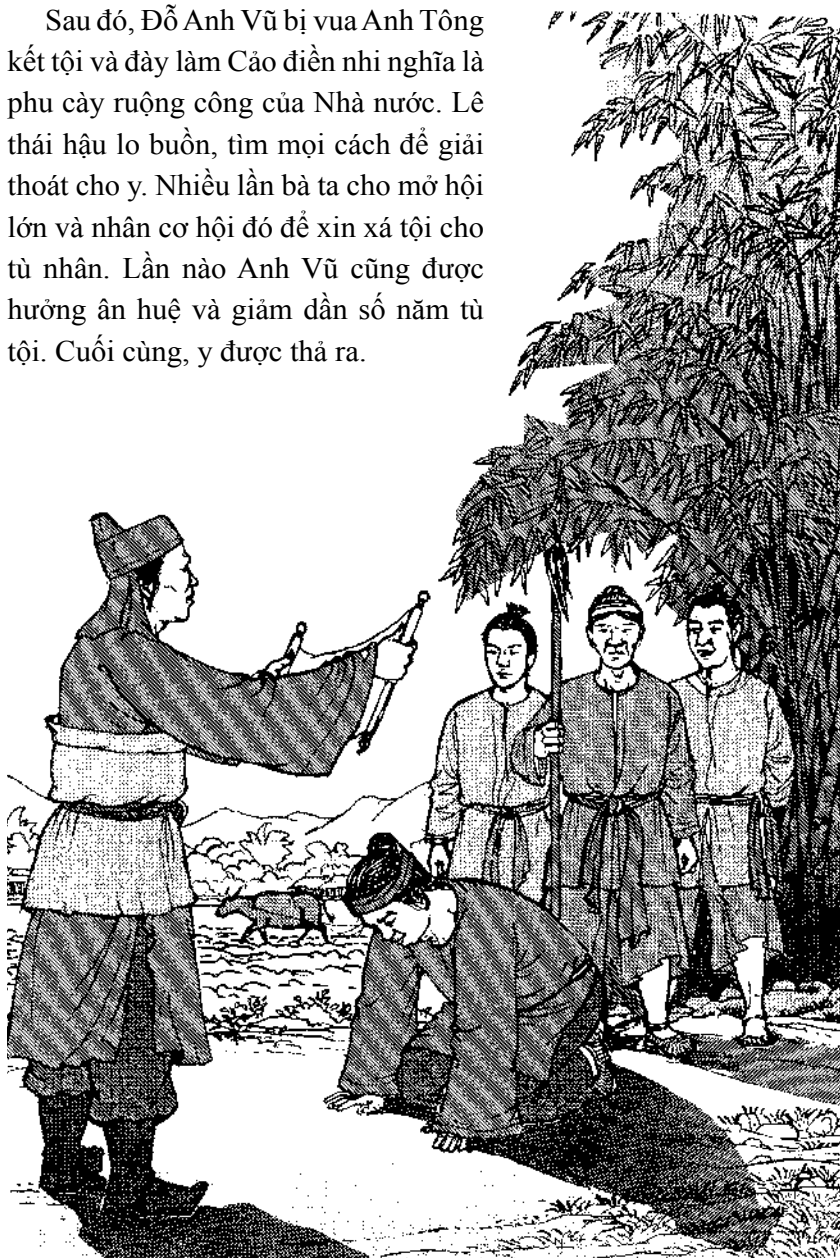
Lúc ấy, Đàm Dĩ Mông nhảy đến ôm chặt lấy Dương để ngăn lại. Dĩ Mông giật lấy giáo bảo phải chờ lệnh vua, không được tự tiện. Nguyễn Dương giận lắm quát: “Điện tiền Vũ Cút Đái chứ chẳng phải Cát Đái\*. Sao quá tham của dút lột đến độ không tiếc đến mạng mình thế”. Biết trước sau gì cũng sẽ bị hại nếu Anh Vũ còn sống nên Nguyễn Dương nhảy xuống giếng tự vẫn.

---

\* Chữ Hán Cát Đái đọc theo âm chữ Nôm là Cút Đái.



Sau đó, Đỗ Anh Vũ bị vua Anh Tông kết tội và đày làm Cảo điền nhi nghĩa là phu cày ruộng công của Nhà nước. Lê thái hậu lo buồn, tìm mọi cách để giải thoát cho y. Nhiều lần bà ta cho mở hội lớn và nhân cơ hội đó để xin xá tội cho tù nhân. Lần nào Anh Vũ cũng được hưởng ân huệ và giảm dần số năm tù tội. Cuối cùng, y được thả ra.



Nhờ sự giúp sức của Thái hậu, y không những lại được giữ chức Thái úy phụ chính như cũ mà lần này còn được tin dùng hơn trước. Do đó, Anh Vũ càng tác oai tác quái, tìm mọi cách để trả thù riêng. Quả như Nguyễn Dương đã dự báo, những người bắt Anh Vũ khi trước, trong đó có Vũ Cát Đái đều bị giết hại một cách thảm khốc hoặc bị lưu đày đến những nơi xa xôi, hiểm trở.





Năm 1158, Nguyễn Quốc\* đi sứ Trung Hoa trở về, xin vua Anh Tông theo cách của nhà Tống đặt một hòm lớn ở giữa sân để ai có việc trình báo mà ngại không dám nói ra thì viết thư bỏ vào đấy. Anh Tông y chuẩn. Thư bỏ vào hòm rất nhiều, trong số đó có lá thư nặc danh kể tội Anh Vũ làm loạn triều đình.

---

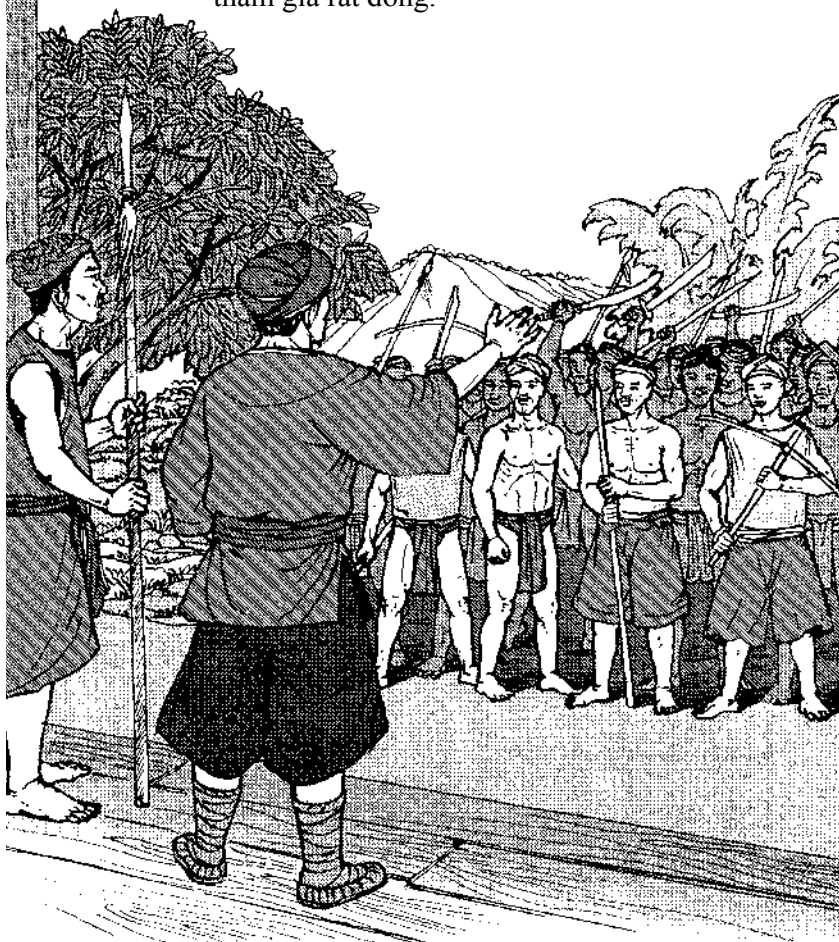
\* Có sách chép là Nguyễn Quốc Dĩ.

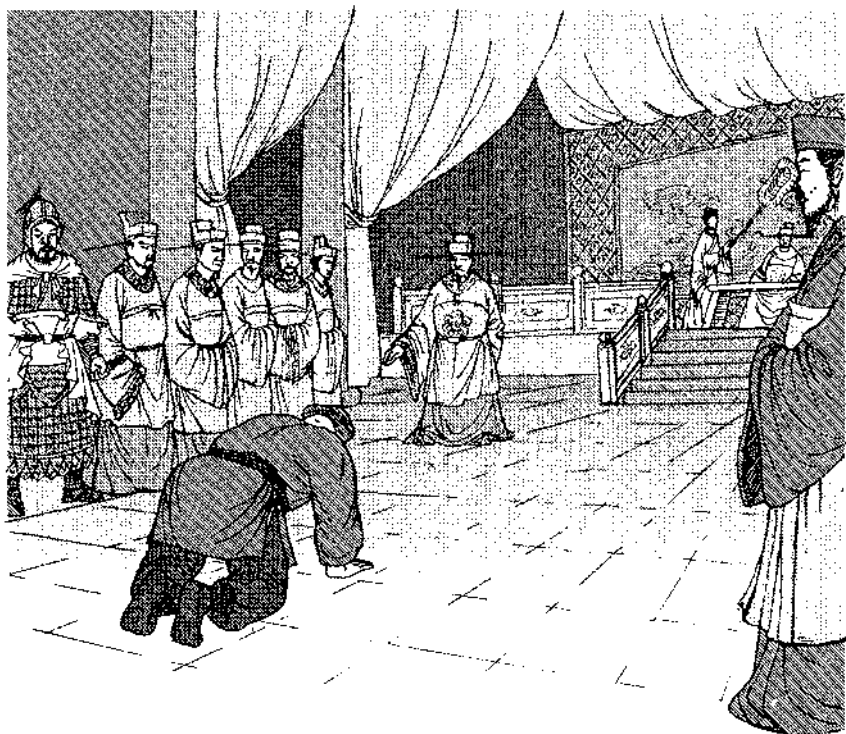


Anh Vũ âm ức lắm quyết tìm cho ra kẻ dám chống đối mình. Tuy nhiên, y tra xét mãi vẫn không biết ai là tác giả bức thư ấy. Nghi ngờ Nguyễn Quốc bày ra chuyện đặt hòm để làm việc đó, Anh Vũ cho đầy ông ra Thanh Hóa. Ít lâu sau y lại cho đòi ông về kinh, đưa thuốc độc bắt phải uống. Nguyễn Quốc biết trước sau gì cũng không khỏi bị y bức hại nên đành uống thuốc độc mà chết.



Sau khi Anh Tông lên ngôi được vài năm thì nổ ra cuộc nổi dậy của Thân Lợi. Thân Lợi vốn là một thầy bói, tự xưng là con riêng của vua Lý Nhân Tông, nổi lên muốn tranh ngôi với Anh Tông. Hàng ngàn người ở châu Thượng Nguyên (Thái Nguyên) bị đói khổ vì sự bóc lột của quan lại đã theo về với Thân Lợi. Dân các tộc ít người ở trong vùng cũng tham gia rất đông.





Thân Lợi tự xưng là Bình vương, thành lập triều đình riêng, phong cho thê thiếp làm hoàng hậu và con cái làm vương hầu. Lợi còn cho người đến Quảng Tây xin nhà Tống đưa quân sang giúp nhưng không được chấp thuận.

Triều đình sai quan quân theo hai đường thủy bộ tiến đánh căn cứ của Lợi nhưng bị thua to. Thừa thắng, Thân Lợi cho quân chiếm phủ Phú Lương (Thái Nguyên) và chuẩn bị tiến vào tận kinh thành Thăng Long. Anh Tông sai Thái úy Đỗ Anh Vũ đem quân đánh dẹp.

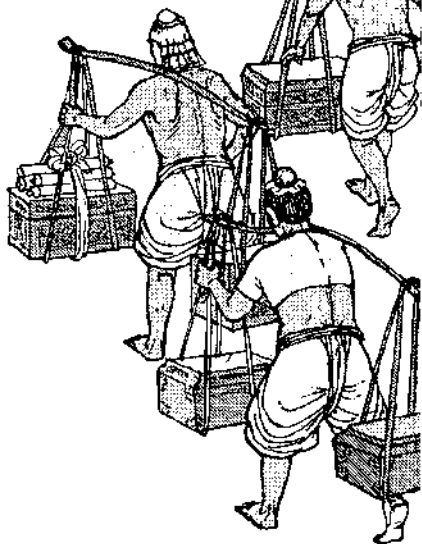


Trong một trận đánh lớn, quân nổi dậy bị thất bại nặng, chết trận rất nhiều. Thân Lợi chạy về châu Lục Lệnh rồi trốn lên vùng Lạng Sơn và cuối cùng bị Tô Hiến Thành bắt giao cho Anh Vũ giải về kinh. Do thắng lợi đó, Đỗ Anh Vũ được ban thưởng rất nhiều.

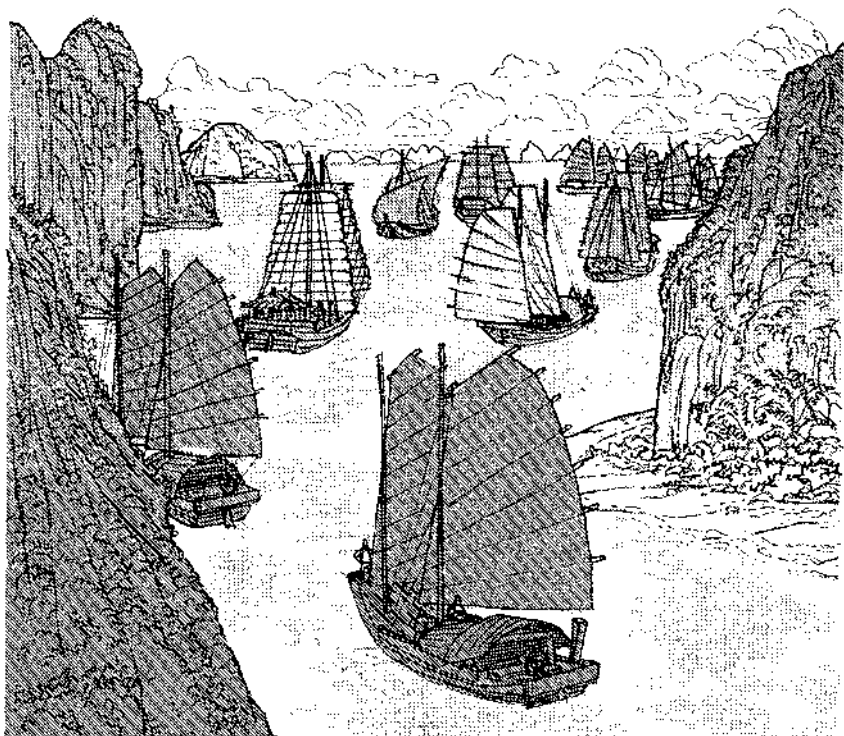




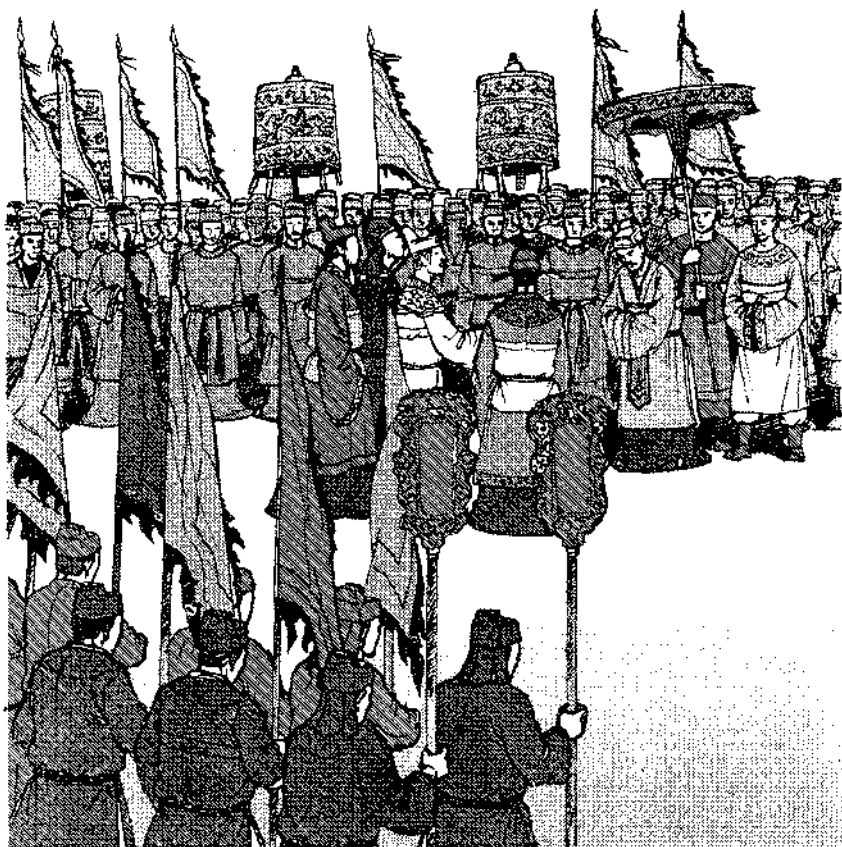
Thời gian này, việc buôn bán với các nước cũng khá nhộn nhịp. Dưới đời Lý Thánh Tông đã thấy ghi chép việc thương gia Trảo Oa (Java, thuộc Indonesia ngày nay) đến bán ngọc dạ quang. Nhưng từ năm 1149, dưới triều vua Lý Anh Tông, thuyền buôn các nước Trảo Oa, Xiêm La (Thái Lan) đến vùng Hải Đông xin cư trú để buôn bán ngày càng nhiều. Triều đình nhà Lý đã cho họ lập cơ sở ở đảo Vân Đồn (tức đảo Vân Hải ngày nay, gần đảo Cái Bần).



Việc buôn bán ở đây ngày càng thịnh vượng. Các đảo lân cận Vân Đồn cũng lập nhiều bến đậu cho thuyền buôn và lôi kéo các thương gia đến tập trung buôn bán. Trong suốt mấy trăm năm sau đó, Vân Đồn không chỉ là nơi trao đổi của thương gia nước ta với thương gia nước ngoài mà còn là một trạm quan trọng trên con đường hàng hải nối các nước trong vùng.

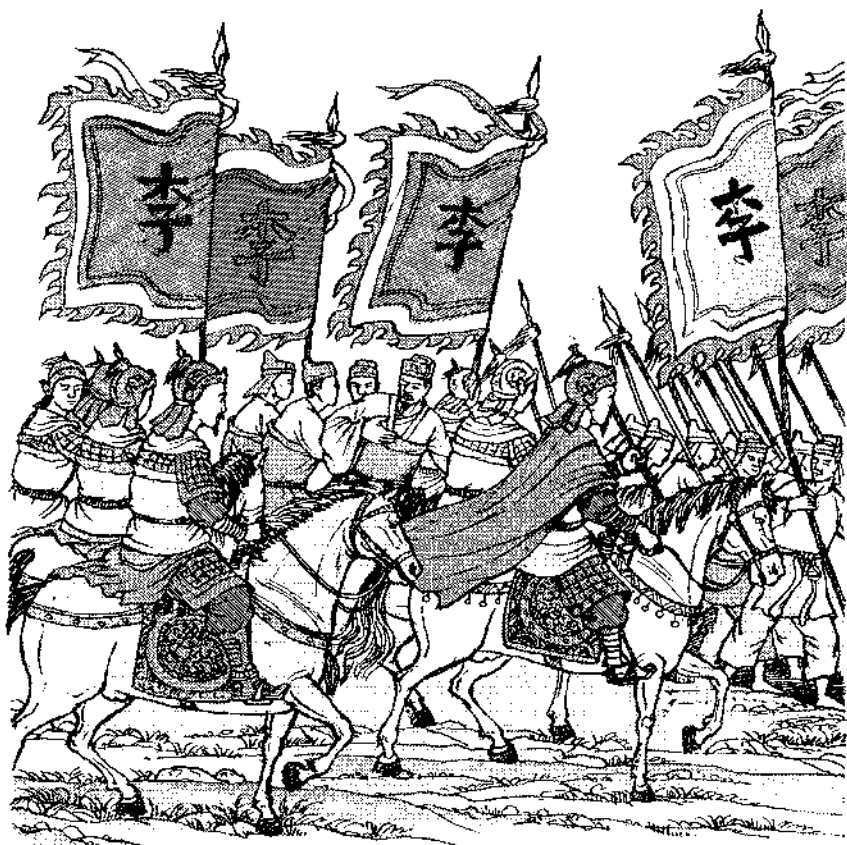


Năm 1164, vua nhà Tống bắt đầu gọi nước ta là “An Nam quốc” và phong cho Lý Anh Tông làm “An Nam quốc vương”. Đây là một thay đổi đáng kể trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Trước đây, các triều đại phong kiến phương Bắc gọi nước ta là “Giao Chỉ quận” vì chỉ coi nước ta là một quận của Trung Quốc. Vua nước ta cũng chỉ được phong làm “Giao Chỉ quận vương” có nghĩa như một tước vương cai quản một quận, chứ không phải là hoàng đế một nước.



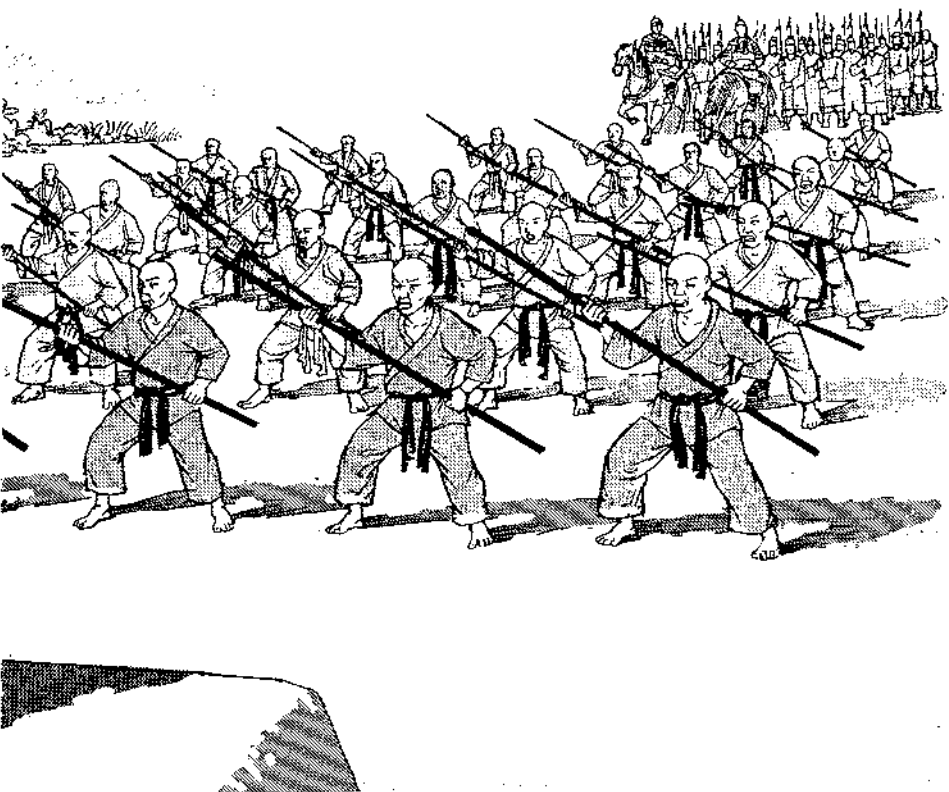


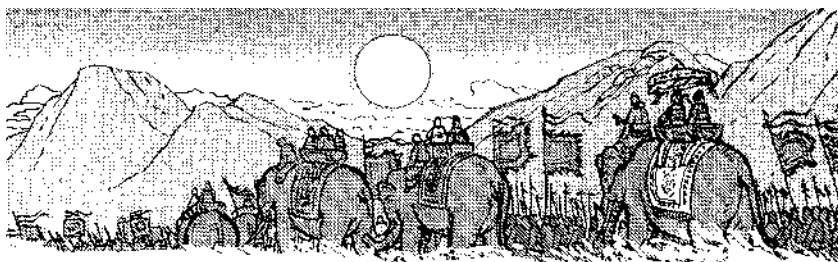
Dưới đời Anh Tông, tuy Đỗ Anh Vũ lộng quyền làm nhiều điều tàn ác, nhưng cũng còn những vị quan cương trực, hết lòng vì nước, trong đó có Tô Hiến Thành. Sử sách không ghi ông sinh năm nào, quê quán và cuộc đời riêng ra sao, chỉ biết rằng khi Anh Tông làm vua thì ông là một võ quan có tài thao lược. Năm 1159, quân Ngưu Hống và Ai Lao đánh phá ở vùng biên giới, ông vâng mệnh triều đình đem quân đánh dẹp và đã thắng lớn.





Trở về, Tô Hiến Thành được vua Anh Tông phong chức Thái úy (lúc này Đỗ Anh Vũ đã chết). Ông đem hết tâm sức để chỉnh đốn lại binh bị, tuyển thanh niên khỏe mạnh sung vào quân ngũ và tổ chức luyện tập. Ông còn chọn những người thông thạo binh pháp, am tường võ nghệ để cất nhắc và giao nhiệm vụ cầm quân.



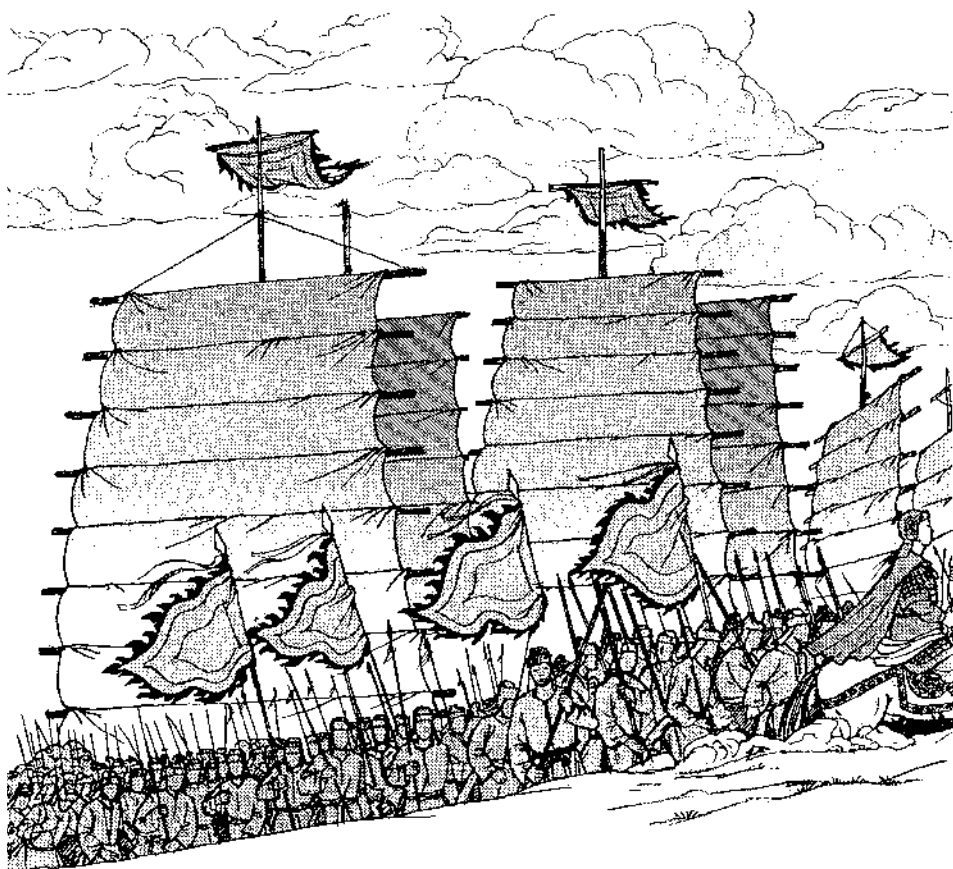


Lúc bấy giờ, quan hệ của nước ta với nước Chiêm Thành có lúc không được tốt đẹp. Năm 1152, một người Chiêm tên là Ung Minh Tà Diệp đến Thăng Long xin Lý Anh Tông cho quân sang giúp để tranh ngôi vua. Anh Tông sai Lý Mông đem 5000 quân đưa Ung Minh Tà Diệp về nước nhưng bị vua Chiêm là Chế Bì La Bút đánh bại. Từ đó, Chiêm Thành tuy vẫn sai sứ sang cống nhưng luôn đe dọa vùng biên giới phía Nam.



Vì thế, năm 1161, Lý Anh Tông lại giao cho Tô Hiến Thành lo việc bình ổn vùng đất này. Ông được phong làm Đô tướng, cùng Đỗ An Di dẫn 2 vạn quân đi tuần khu vực tiếp giáp với nước Chiêm Thành. Khi đoàn quân lên đường, Anh Tông đã đi thuyền tiễn đến cửa Đại An mới quay về. Đến nơi, Tô Hiến Thành xem xét và tổ chức chu đáo việc phòng thủ, nhờ thế vùng biên giới được yên ổn một thời gian.





Mấy năm sau, quân Chiêm lại sang quấy rối. Lần này, mượn cớ đưa sứ vào nước ta, binh thuyền Chiêm kéo đến cướp phá các làng mạc. Năm 1167, Tô Hiến Thành lại đem quân xuống miền Nam. Vua Chiêm hoảng sợ vội sai sứ đến Thăng Long dâng trân châu cùng các sản vật địa phương và xin thần phục như cũ. Anh Tông xuống chiếu gọi Tô Hiến Thành rút quân về. Từ đó, Chiêm Thành giữ lệ cống đều đặn.

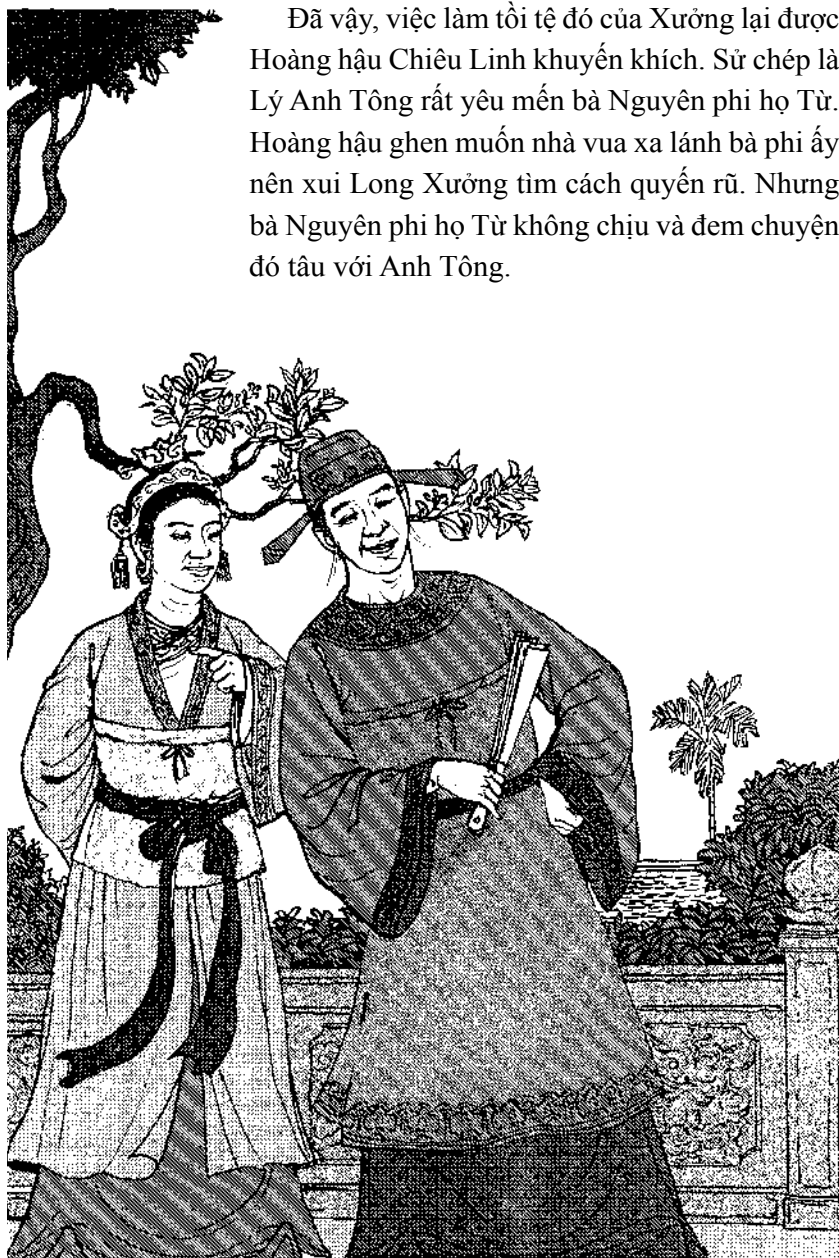


Lúc bấy giờ, triều đình nhà Lý ngày càng đi sâu vào con đường suy sụp. Vua và các vương hầu đua nhau ăn chơi xa xỉ. Đến nỗi sử gia Ngô Thi Sĩ khi chép đến đây đã phải kêu lên: *“Ôn trạch của nhà Lý đến đây tiêu ma hết cả”*. Thái tử Long Xưởng, con trưởng của Anh Tông, khi lớn lên còn chơi bời lãng phí hơn hẳn vua cha. Không những vậy, Xưởng còn nổi tiếng là hiếu sắc và vô đạo, dám tư thông với cả cung phi của cha mình.





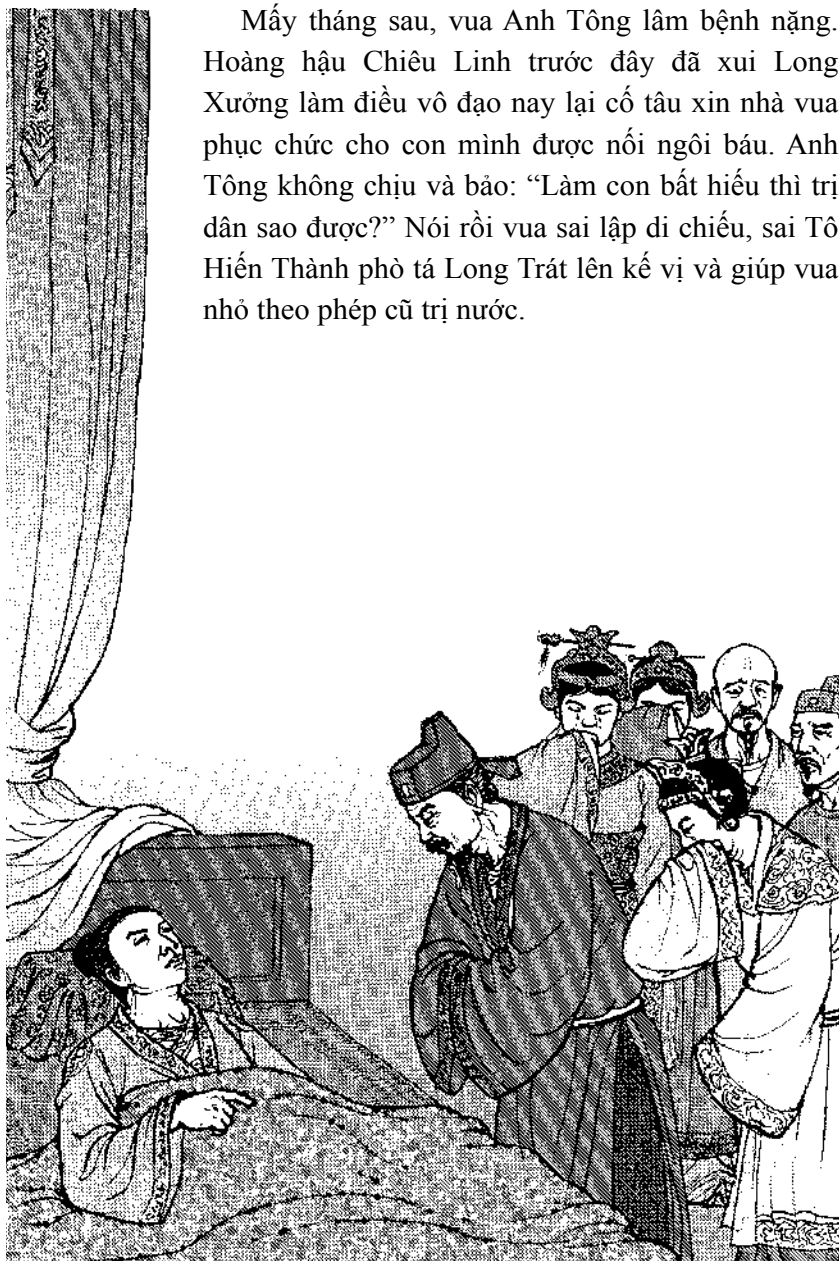
Đã vậy, việc làm tội tặc đó của Xưởng lại được Hoàng hậu Chiêu Linh khuyến khích. Sử chép là Lý Anh Tông rất yêu mến bà Nguyên phi họ Từ. Hoàng hậu ghen muốn nhà vua xa lánh bà phi ấy nên xui Long Xưởng tìm cách quyến rũ. Nhưng bà Nguyên phi họ Từ không chịu và đem chuyện đó tâu với Anh Tông.



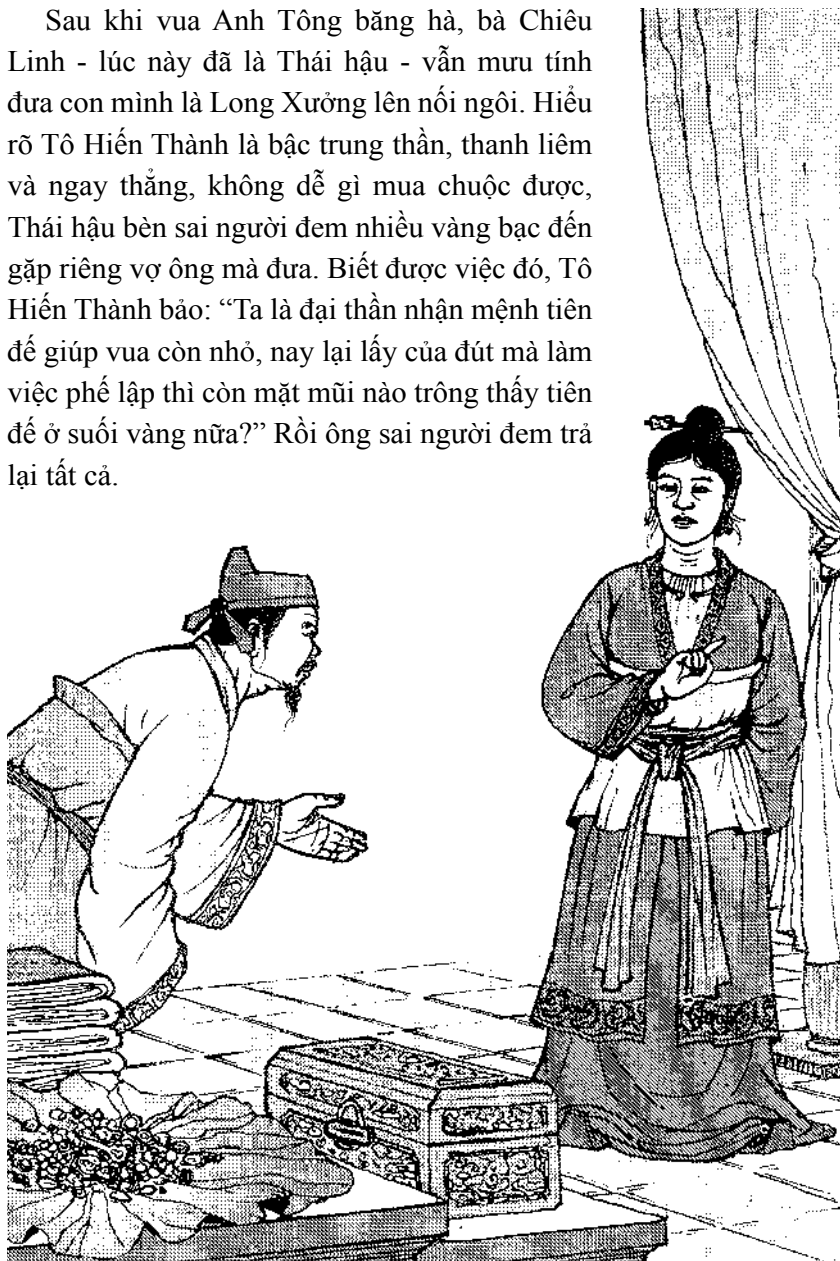
Biết chuyện, Anh Tông rất giận dữ, lập tức phế bỏ Long Xưởng xuống làm thứ dân. Lúc này, nhà vua tuy chưa đến 40 tuổi nhưng rất ốm yếu. Sợ để trống ngôi Thái tử lâu không có lợi, Lý Anh Tông bèn lập người con thứ sáu mới 2 tuổi, tên là Long Trát (còn có tên là Long Cán) làm Thái tử (1175). Vua còn thăng cho Tô Hiến Thành chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự, lại phong cho ông tước vương và giao nhiệm vụ giúp đỡ Thái tử.



Mấy tháng sau, vua Anh Tông lâm bệnh nặng. Hoàng hậu Chiêu Linh trước đây đã xui Long Xưởng làm điều vô đạo nay lại cố tâu xin nhà vua phục chức cho con mình được nối ngôi báu. Anh Tông không chịu và bảo: “Làm con bất hiếu thì trị dân sao được?” Nói rồi vua sai lập di chiếu, sai Tô Hiến Thành phò tá Long Trát lên kế vị và giúp vua nhỏ theo phép cũ trị nước.



Sau khi vua Anh Tông băng hà, bà Chiêu Linh - lúc này đã là Thái hậu - vẫn mưu tính đưa con mình là Long Xưởng lên nối ngôi. Hiểu rõ Tô Hiến Thành là bậc trung thần, thanh liêm và ngay thẳng, không dễ gì mua chuộc được, Thái hậu bèn sai người đem nhiều vàng bạc đến gặp riêng vợ ông mà đưa. Biết được việc đó, Tô Hiến Thành bảo: “Ta là đại thần nhận mệnh tiên đế giúp vua còn nhỏ, nay lại lấy của đút mà làm việc phé lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở tuổi vàng nữa?” Rồi ông sai người đem trả lại tất cả.



Chưa từ bỏ ý định, Thái hậu lại cho gọi Tô Hiến Thành đến phủ dụ rằng lòng trung của ông, vua còn nhỏ sẽ chẳng biết được, chi bằng nếu ông bằng lòng lập Long Xương lên ngôi, bà và vua mới rất biết công lao của ông, chắc chắn ông sẽ được giàu sang mãi mãi. Tô Hiến Thành thẳng thắn đáp: “Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ đâu có vui làm, huống chi lời tiên đế còn ở bên tai... Thần không dám vâng lệnh”.



Sau đó, Tô Hiến Thành theo đúng di chiếu lập Long Trát lên làm vua tức Lý Cao Tông. Chiêu Linh Thái hậu biết không lung lạc được ông nên định nhân lúc mọi việc chưa ổn định, có thể dùng võ lực đoạt ngôi. Vì vậy, bà lập tức sai người mời gấp Long Xường vào cung để bàn kế hoạch. Nghe tin ấy, Tô Hiến Thành họp các quan lại bảo: “Tiên vương tin vào ta và các người nên phó thác ầu chúa. Nay Bảo Quốc vương (Long Xường) nghe lời Thái hậu muốn phế bỏ vua mới để tự lập lên ngôi. Các người phải hết lòng gắng sức, tuân lệnh ta truyền bảo. Ai vâng lệnh, ta thưởng cho suốt đời; còn ai làm trái, ta sẽ giết giữa chợ”. Các quan đều nhất nhất nghe theo ông.



Khi Long Xưởng vào đến cửa cung, các quan tuân theo lệnh của Tô Hiến Thành chặn lại. Xưởng quát tháo, đòi phải tránh ra cho mình vào. Các quan bảo: “Chưa có chiếu chỉ, chúng tôi không dám tuân lệnh. Nếu vương cứ cố vào thì kẻ phạm đến vương không phải chúng tôi mà là quân lính đây”. Long Xưởng vừa sợ vừa thẹn phải bỏ đi. Âm mưu của Thái hậu Chiêu Linh hoàn toàn thất bại.



Những năm cuối đời, Tô Hiến Thành làm Phụ chính, hết lòng chăm lo việc triều chính. Để trao chức vụ cho đúng tài sức của mỗi người, ông xin vua cho khảo xét công trạng, tài năng các quan để phân ra từng loại: Loại người vừa có tài cán và vừa có học thức; loại người siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa; hoặc loại người tuổi cao, đức độ, đã từng trải, biết rõ việc nước... Ông dựa vào sự phân loại đó mà giao trách vụ trong việc quân cũng như việc cai trị. Tô Hiến Thành còn quản lĩnh cả cấm binh. Hiệu lệnh của ông rất nghiêm, thưởng phạt công minh, mọi người đều phục.







Giữa năm 1179, Tô Hiến Thành lâm bệnh nặng và qua đời. Đây là một tổn thất lớn cho nhà Lý vì lúc này vua Cao Tông chỉ mới 8 tuổi, chưa quyết đoán được việc nước trong khi nội bộ triều đình đang có nhiều lục đục. Ngay trong lúc cận kề cái chết, Tô Hiến Thành vẫn hết lòng vì dân vì nước, chọn người vì việc chung, không nệ tình riêng. Sử chép, lúc ông bệnh nặng, quan Tham tri chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu cận bên cạnh, trong khi Giám nghị đại phu Trần Trung Tá bận lo việc triều chính không lúc nào rảnh rỗi để đến thăm hỏi.

Khi Đỗ Thái hậu, mẹ đẻ vua Lý Cao Tông, đến thăm và hỏi ai có thể thay ông giữ chức Thái úy, Tô Hiến Thành trả lời ngay đó là Trần Trung Tá.

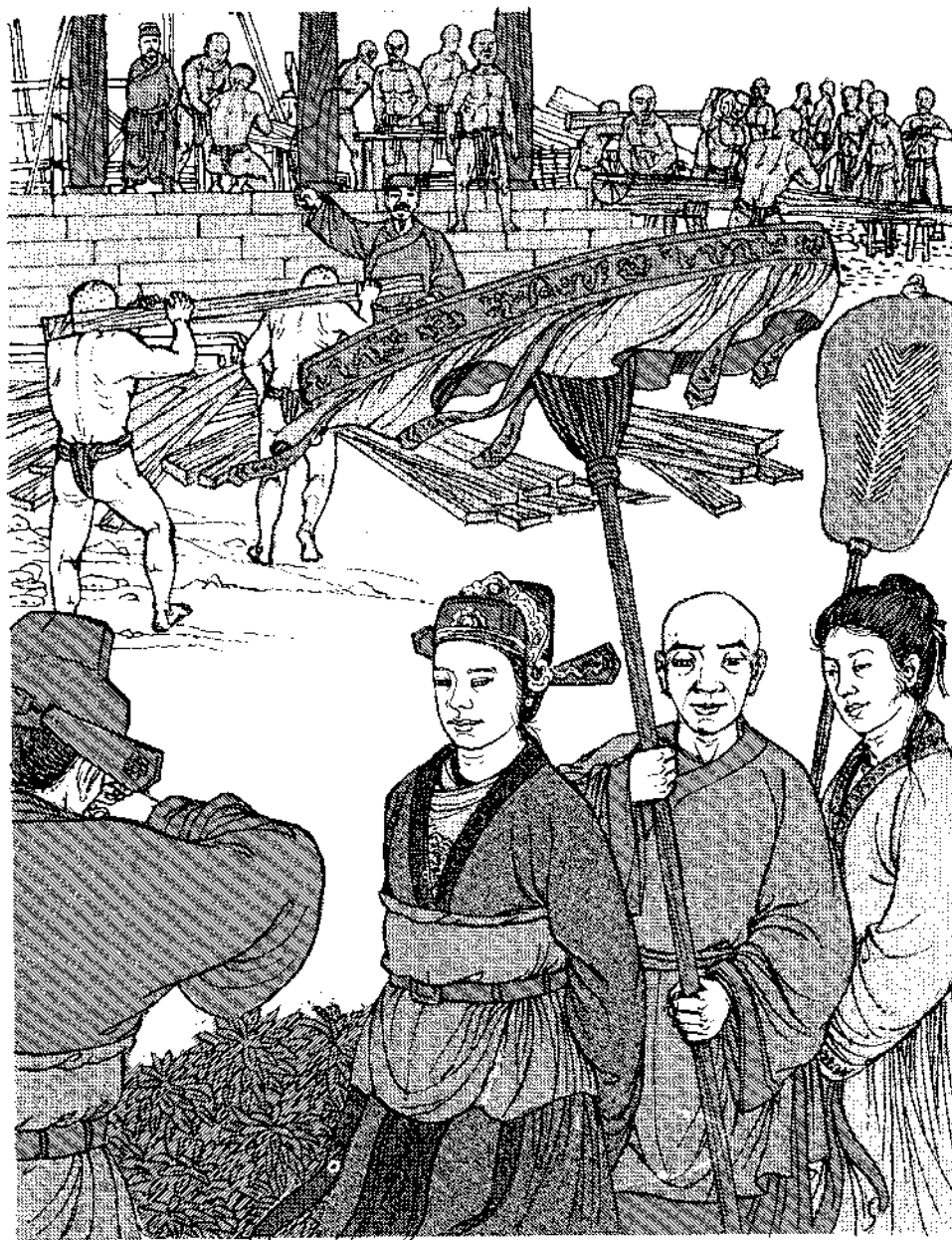
Thái hậu ngạc nhiên bảo: “Tán Đường hàng ngày hầu thuốc thang cho ông sao không thấy ông nhắc đến?”. Tô Hiến Thành đáp: “Vì Thái hậu hỏi người có thể thay thân nên thân nói đến Trần Tá, còn như hỏi người hầu dưỡng thì phi Tán Đường còn ai nữa”.

Tiếc rằng, ý kiến sáng suốt, khôn ngoan đó của ông không được Thái hậu họ Đỗ nghe theo.

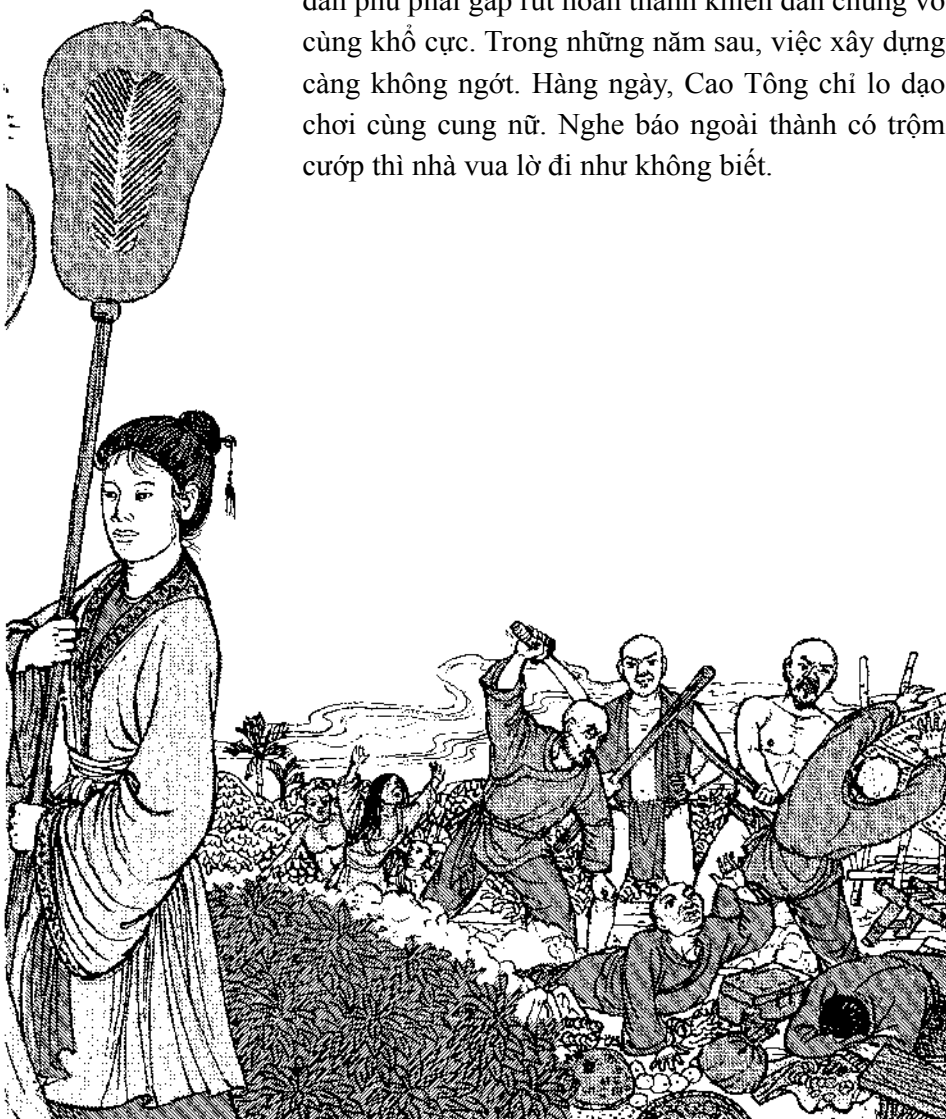


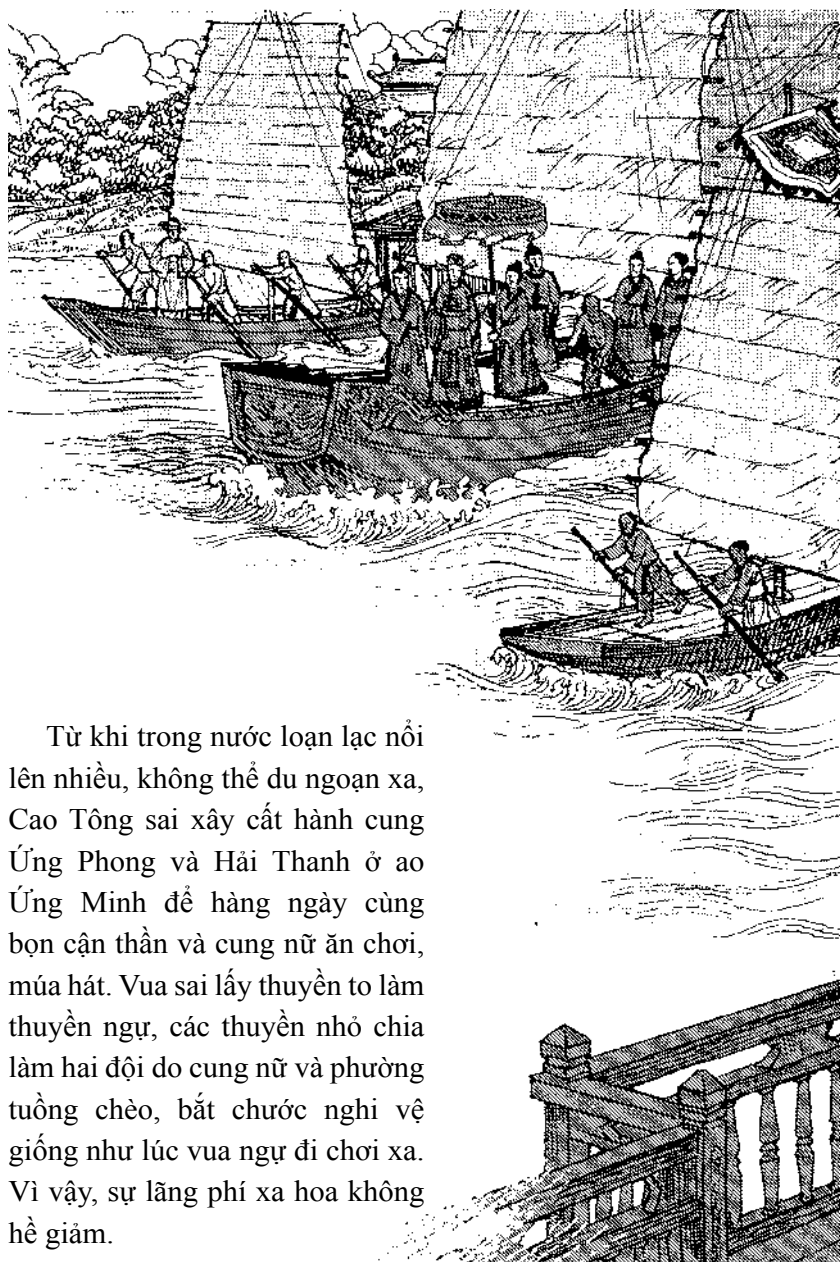
Còn Lý Cao Tông khi lớn lên cũng không màng việc nước, chỉ ham thích ăn chơi, phụ lòng mong mỏi và phí công sức phò tá của vị quan thanh liêm, hết lòng vì nước Tô Hiến Thành. Sử gia đời sau đã ghi chép về vua Cao Tông như sau: “*Vua rất ham của cải lợi lộc, lấy việc bán quan buôn ngục làm chính sự. Người kiện tụng, tranh nhau ruộng đất, tài sản, hễ đem của dâng nạp, vua chẳng hỏi tình lý phải trái thế nào, đều thu mà sung công cả. Vì thế mà kho dựn của nhà nước của cải chất như núi, còn bách tính thì kêu ca, oán thán, giặc cướp nổi lên như ong*”.



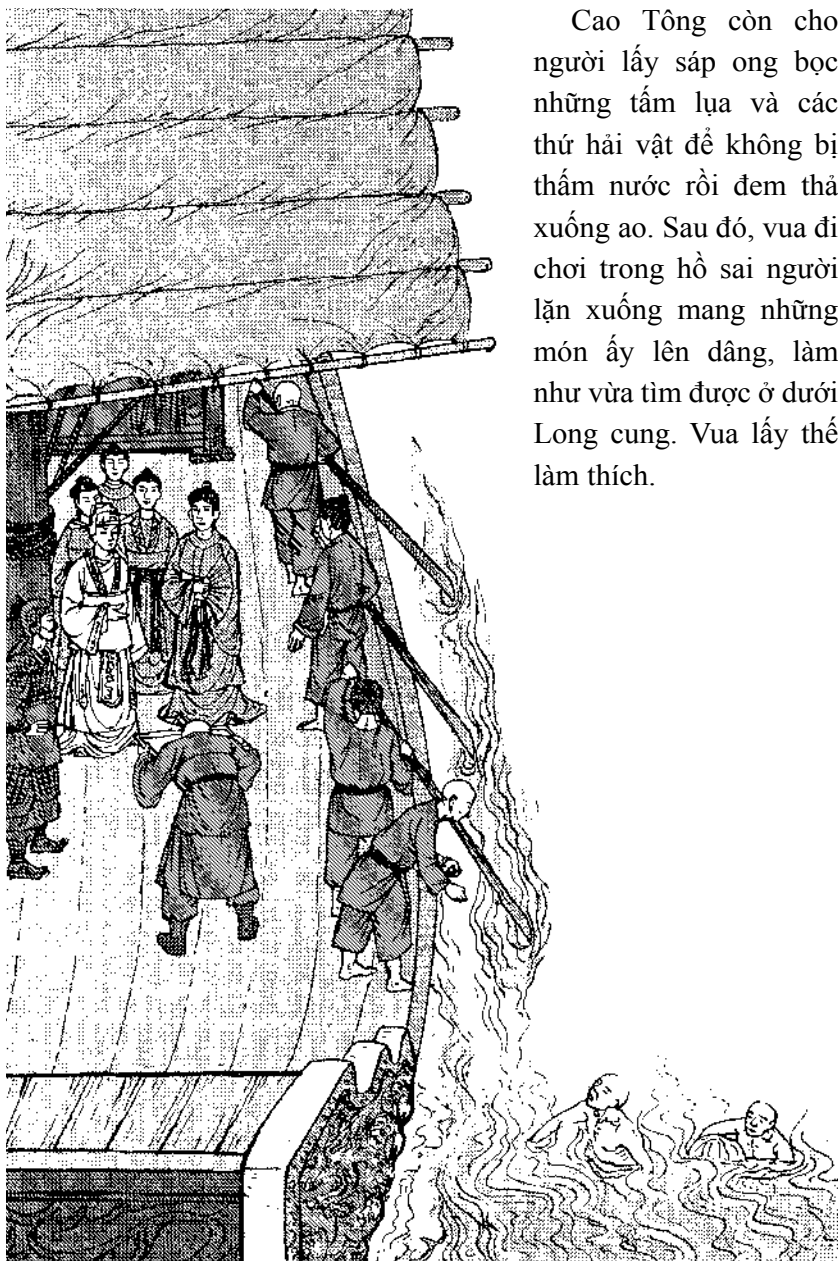


Năm 1203, Cao Tông cho xây nhiều cung điện, đền đài làm chỗ vui chơi. Vua còn sai dựng gác Kính Thiên và nghe lời của hoạn quan Phạm Bình Di bắt dân phu phải gấp rút hoàn thành khiến dân chúng vô cùng khổ cực. Trong những năm sau, việc xây dựng càng không ngớt. Hàng ngày, Cao Tông chỉ lo dạo chơi cùng cung nữ. Nghe báo ngoài thành có trộm cướp thì nhà vua lơ đãng như không biết.





Từ khi trong nước loạn lạc nổi lên nhiều, không thể du ngoạn xa, Cao Tông sai xây cất hành cung Ứng Phong và Hải Thanh ở ao Ứng Minh để hàng ngày cùng bọn cận thần và cung nữ ăn chơi, múa hát. Vua sai lấy thuyền to làm thuyền ngự, các thuyền nhỏ chia làm hai đội do cung nữ và phường tuồng chèo, bắt chước nghi vệ giống như lúc vua ngự đi chơi xa. Vì vậy, sự lãng phí xa hoa không hề giảm.

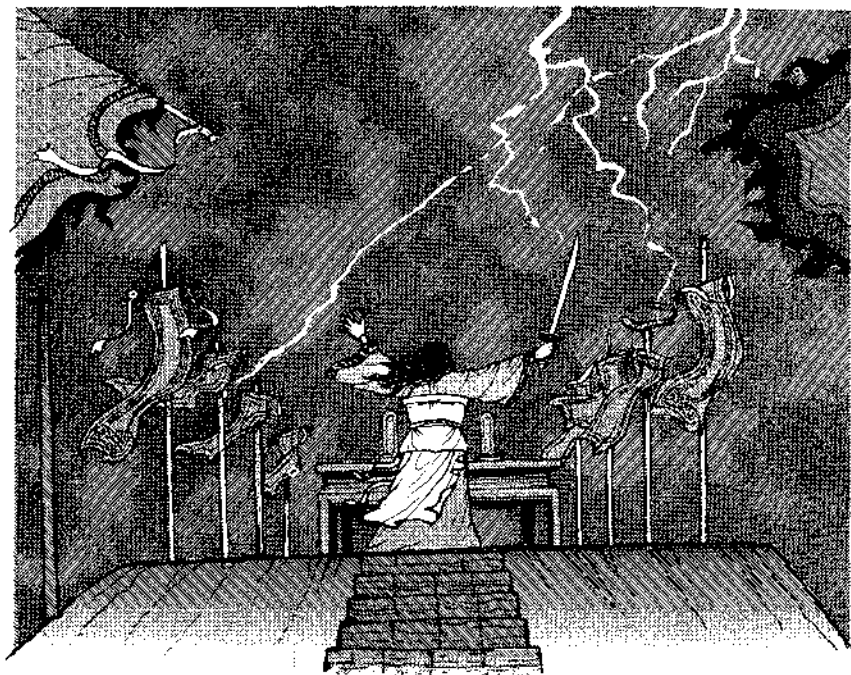


Cao Tông còn cho người lấy sáp ong bọc những tấm lụa và các thứ hải vật để không bị thấm nước rồi đem thả xuống ao. Sau đó, vua đi chơi trong hồ sai người lặn xuống mang những món ấy lên dâng, làm như vừa tìm được ở dưới Long cung. Vua lấy thế làm thích.

Các quan trong triều thấy vua chỉ lo ăn chơi nhưng không ai dám mở lời khuyên can. Một người kép hát tên Vũ Cao muốn tìm cách ngăn Cao Tông nên nói dối với quan Thượng phẩm phụng ngự Trịnh Ninh rằng ao đó là nơi trú ngụ của một vị thần rất linh thiêng mà Cao đã từng gặp. Ninh nghe nói rất sợ và tâu lại với Cao Tông. Thế nhưng Cao Tông chẳng những không sợ còn sai lấy sắt để yểm thần và vẫn tiếp tục các trò vui.

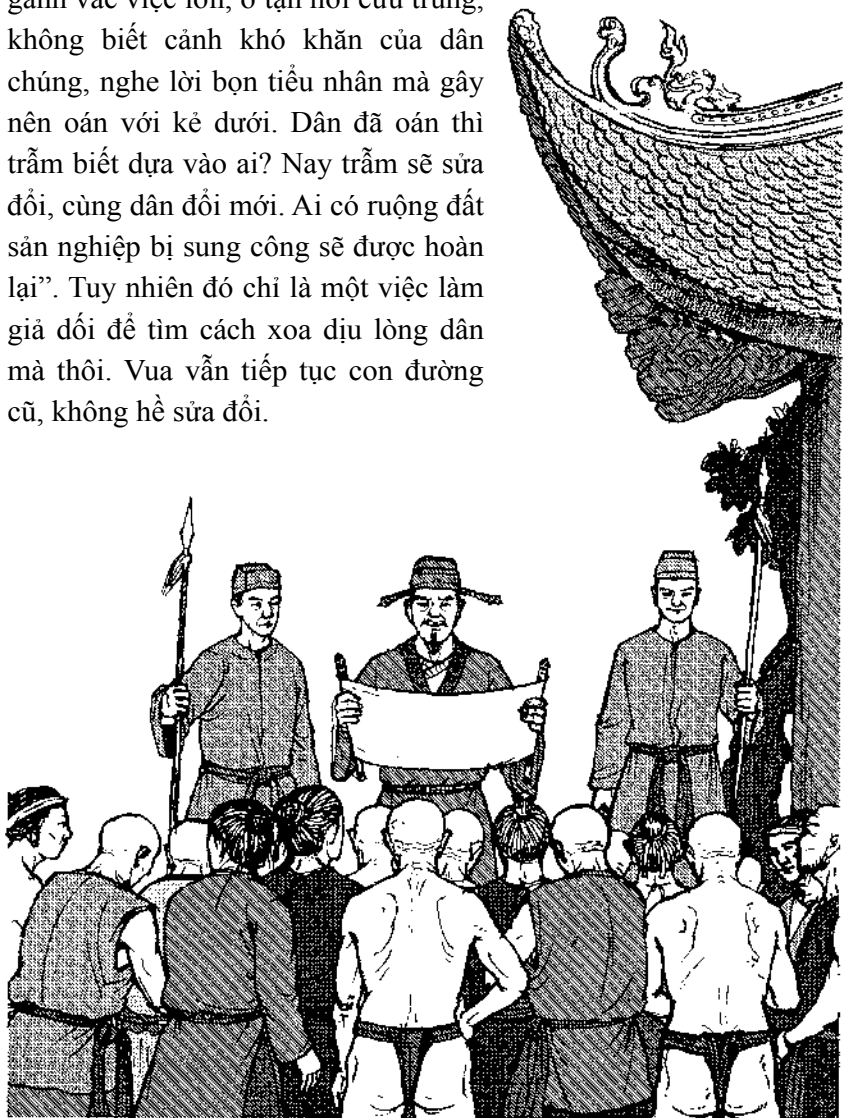




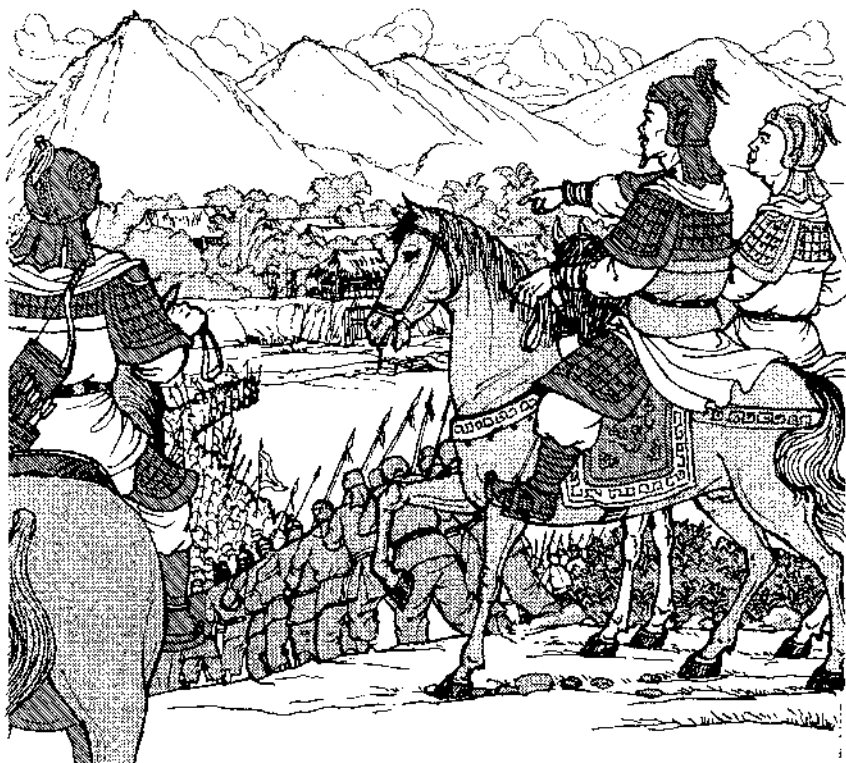


Nhưng Cao Tông lại rất sợ tiếng sấm. Vào những lúc mưa gió, sấm sét làm vua vô cùng kinh hãi. Trong bọn quan lại hầu cận siêng nịnh được Cao Tông yêu thích có tên Nguyễn Dư muốn làm vừa lòng vua nên nói dối là mình có phép cấm được sấm. Thế mà Cao Tông cũng tin lời và sai y ngăn không cho sấm nổ nữa. Dư làm phép nhưng sấm vẫn to thêm. Y lại trâng tráo bảo: “Thần đã răn cấm mãi rồi, nhưng vì trời cao nên nó còn dữ tợn như thế.”

Năm 1207, thấy loạn lạc nổi lên khắp nơi, Cao Tông lo sợ phải xuống chiếu tạ lỗi: “Trẫm còn bé mà phải gánh vác việc lớn, ở tận nơi cửu trùng, không biết cảnh khó khăn của dân chúng, nghe lời bọn tiểu nhân mà gây nên oán với kẻ dưới. Dân đã oán thì trẫm biết dựa vào ai? Nay trẫm sẽ sửa đổi, cùng dân đổi mới. Ai có ruộng đất sản nghiệp bị sung công sẽ được hoàn lại”. Tuy nhiên đó chỉ là một việc làm giả dối để tìm cách xoa dịu lòng dân mà thôi. Vua vẫn tiếp tục con đường cũ, không hề sửa đổi.



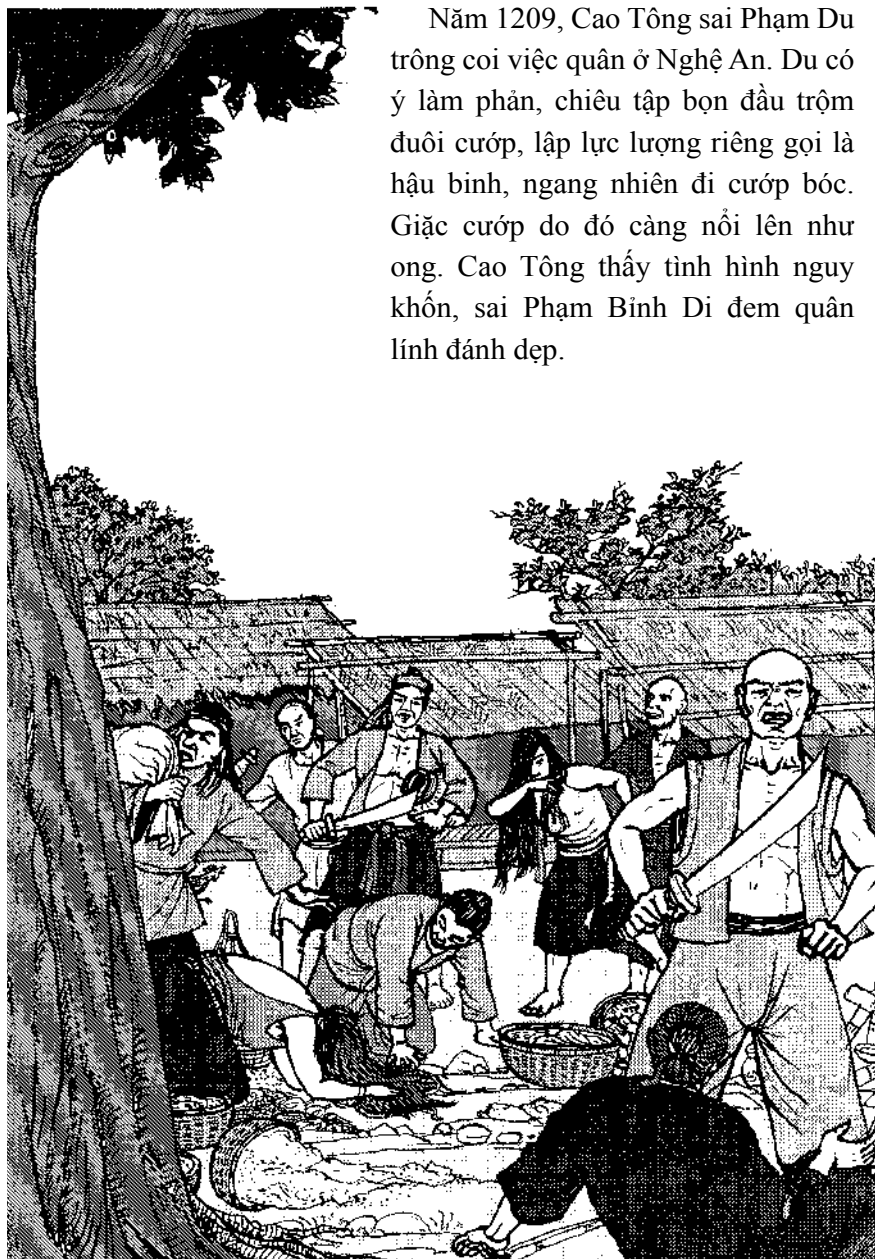
Tháng 9 năm 1207, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ nổi dậy ở Hồng Châu (thuộc Hải Dương). Thượng và Chủ cho xây thành đắp lũy và xưng vương. Cao Tông sai Đàm Dĩ Mông, Phạm Bình Di, Trần Hình và Bảo Trinh hầu cùng đem quân đánh dẹp.



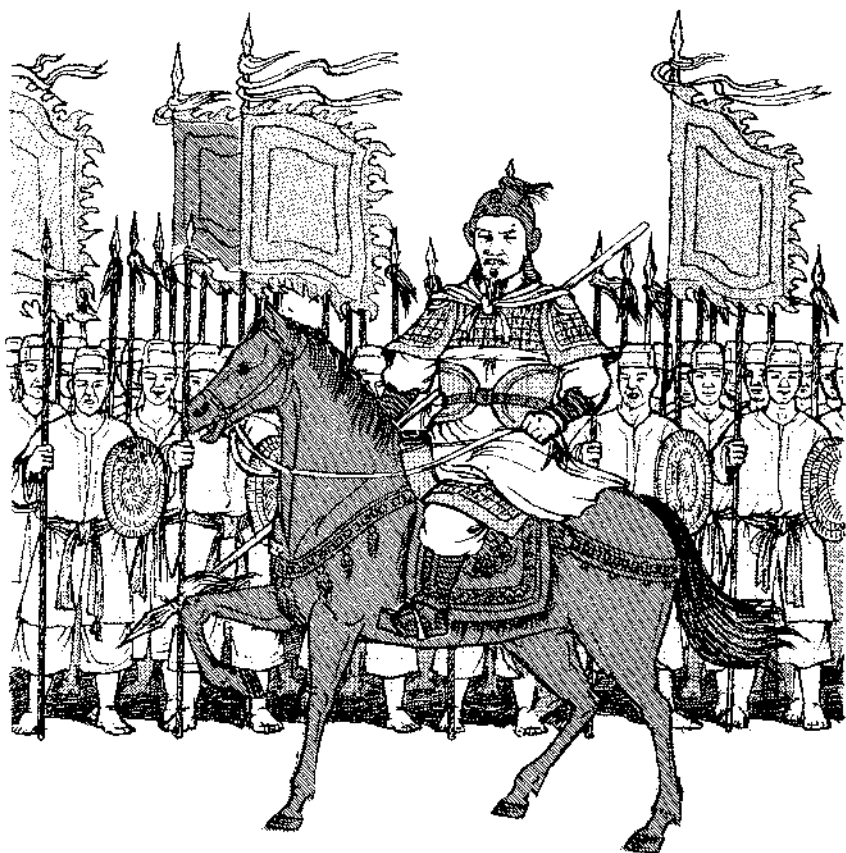
Đoàn Thượng liệu thể không chống nổi nên sai người đem của cải đút lót cho quan Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du. Phạm Du dùng lời nói khéo tâu xin khiến Cao Tông buộc Dĩ Mông, Bình Di phải đem quân về.



Năm 1209, Cao Tông sai Phạm Du trông coi việc quân ở Nghệ An. Du có ý làm phản, chiêu tập bọn đầu trộm đuôi cướp, lập lực lượng riêng gọi là hậu binh, ngang nhiên đi cướp bóc. Giặc cướp do đó càng nổi lên như ong. Cao Tông thấy tình hình nguy khốn, sai Phạm Bình Di đem quân lính đánh dẹp.



Lúc đầu, Phạm Du liên kết với Đoàn Thượng, Đoàn Chủ đánh thắng Bình Di nhiều trận. Bình Di một mặt chấn chỉnh lại lực lượng một mặt giữ kỷ luật rất nghiêm, kẻ nào nhút nhát toan bỏ trốn sẽ bị chém. Vì thế trong những trận sau, Phạm Du bị thua to phải chạy trốn. Bình Di tịch thu tài sản của Du, đốt hết đồn trại; sau đó, đem quân đánh Hồng Châu, giết được Đoàn Chủ.



Lúc bấy giờ Phạm Du ngầm sai người về triều đem vàng bạc mua chuộc một số quan lại. Bọn này vu cho Bình Di là người tàn ác, hiếu sát. Đồng thời Phạm Du không ngớt kêu oan. Cao Tông chẳng phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai, cho gọi cả hai về triều. Phạm Du nhanh chân về trước, hết lời vu tội cho Bình Di; những tên quan ăn của đút cũng thêm bớt vào khiến Cao Tông tin lời Phạm Du là thật.



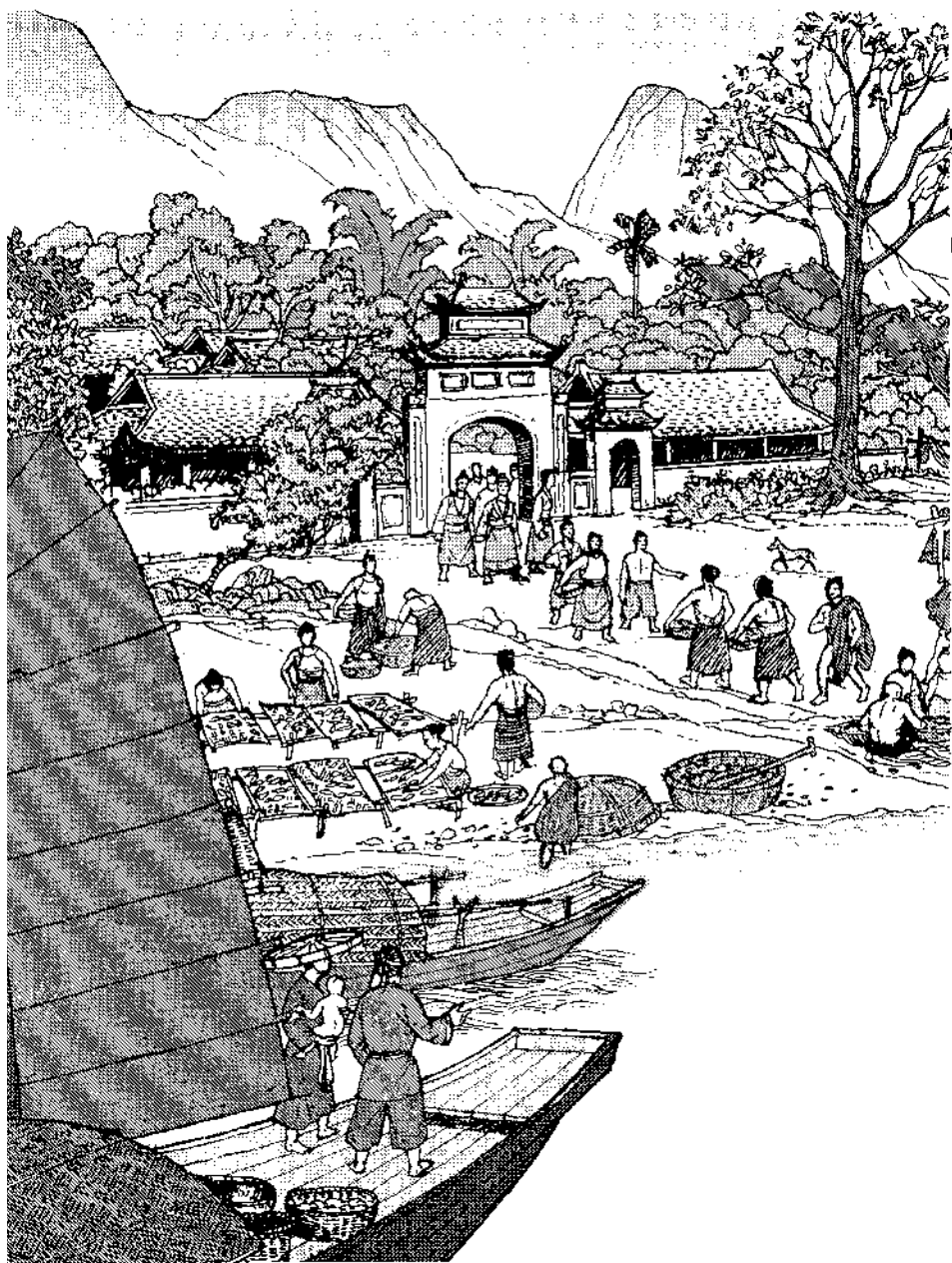
Khi Bình Di về đến kinh đô, định vào triều yết kiến Cao Tông, có người can ngăn và cho biết: “Vua đã nghe lời Phạm Du, giận ông chưa nguôi đâu”. Bình Di không tin, cho rằng xưa nay mình vẫn được vua tin dùng, nay lại chẳng làm gì sai mà phải sợ lời dèm pha nên vẫn cứ đi. Không ngờ, vừa trông thấy hai cha con ông ta, Cao Tông đã sai lính bắt giam vào ngục.

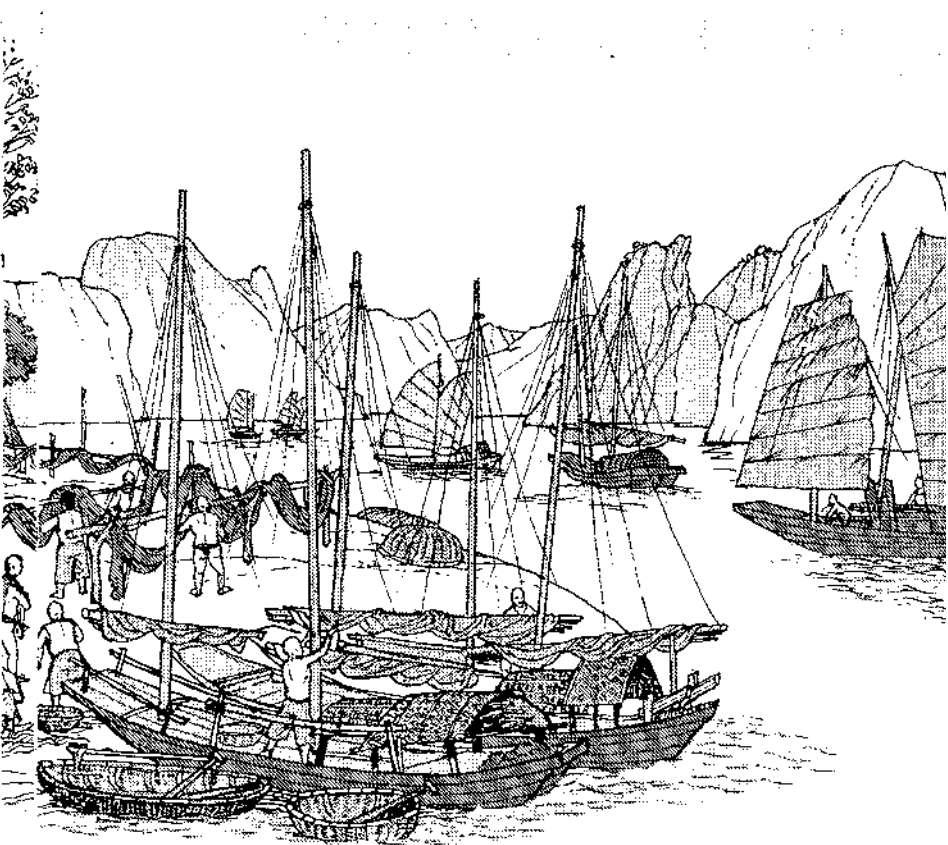




Quách Bốc, tướng dưới trướng của Bình Di, nghe tin rất tức giận, đem quân đến cứu. Đến cửa Đại Thành, bị lính canh chặn lại, Bốc tức giận phá cửa thành mà vào. Phạm Du vội vàng giết hai cha con Bình Di rồi đưa Cao Tông chạy trốn.





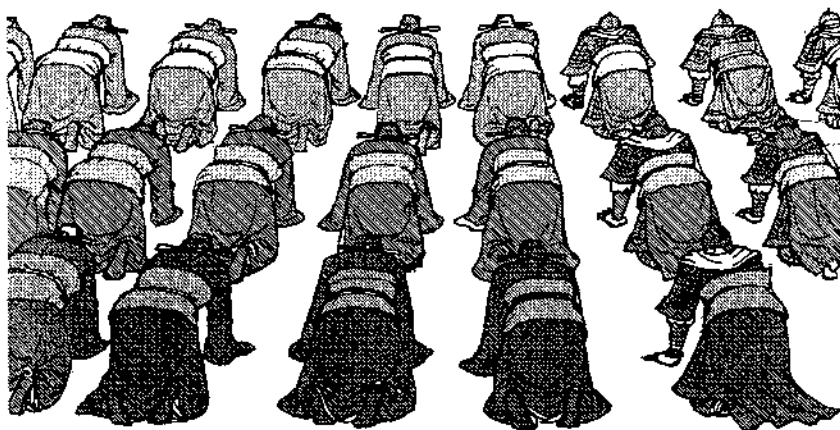
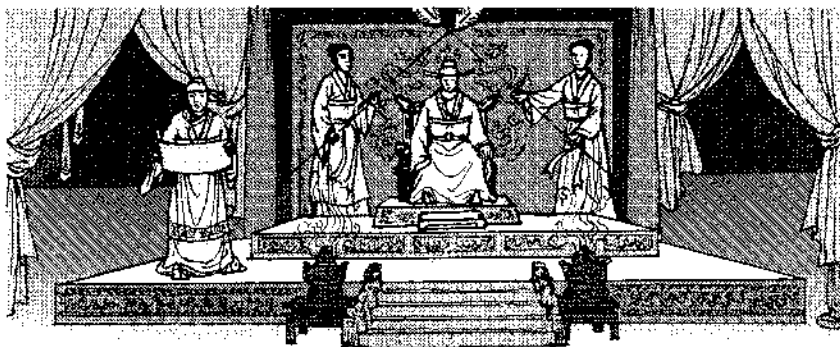


Thái tử Sâm, con trưởng của Cao Tông mới 15 tuổi, cũng chạy lánh nạn ra vùng Hải Ấp (Thái Bình). Nơi đây có nhà Trần Lý, tổ tiên vốn làm nghề chài lưới ở An Bang, sau dời qua làng Tức Mặc (nay thuộc Mỹ Lộc, Nam Định) và trở nên giàu có. Họ Trần mua ruộng đất lập trang trại ở Hải Ấp, chiêu mộ binh lính và trở thành một dòng họ có thế lực mạnh ở địa phương.



Trần Lý gả con gái là Trần Thị Dung cho Thái tử Sảm và mộ quân đánh chiếm lại Thăng Long. Cuối năm 1209, quân Trần rước Cao Tông về kinh đô. Trần Tự Khánh, con thứ của Trần Lý, anh của Trần Thị Dung được phong là Thuận Lưu bá.





Năm 1210, Cao Tông chết. Thái tử Sâm (16 tuổi) lên ngôi tức Lý Huệ Tông. Vừa lên ngôi, Huệ Tông lập tức cho đón Trần Thị Dung về kinh lập làm Nguyên phi và phong tước cho người họ Trần. Huệ Tông giao việc triều chính cho Thái úy Đàm Dĩ Mông trông coi. Nhưng Dĩ Mông là người không có học thức, không tài cán lại nhu nhược. Vì thế chính sự ngày càng suy sụp.



Một số quan lại, hào trưởng địa phương nhân đó nổi lên chống triều đình nhà Lý và thôn tính lẫn nhau. Bấy giờ có ba thế lực lớn là họ Đoàn ở Hồng Châu, họ Trần ở Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên và họ Nguyễn ở Quốc Oai. Ba thế lực đó tìm cách tiêu diệt nhau nên chiến tranh xảy ra liên miên, nhất là giữa họ Trần và họ Đoàn đang chiếm giữ các vùng đất nằm cạnh nhau.



Triều đình Lý đã quá suy yếu nên phải tìm một thế lực mạnh mẽ để dựa cậy. Một số cựu thần sợ họ Trần cướp ngôi nên khuyên Lý Huệ Tông dựa vào họ Đoàn. Lợi dụng danh nghĩa phò vua, họ Đoàn đem quân đánh họ Trần và giành thắng lợi. Đoàn Thượng được vua Lý phong tước hầu và đem quân về Thăng Long.

Trần Tự Khánh thua, phải liên kết với quân của Nguyễn Tự ở Quốc Oai để chống họ Đoàn. Cho rằng Khánh có ý phản nghịch, lại bị mẹ đẻ là Thái hậu họ Đàm dèm pha nên Lý Huệ Tông giáng Nguyên phi Trần Thị Dung xuống làm Ngự nữ (1211). Sau đó, thấy lực lượng liên quân ngày càng mạnh, Huệ Tông sợ hãi không dám ra mặt chống lại, nên cũng phải phong cho Tự Khánh tước hầu.





Tháng 2 năm 1212, Nguyễn Tự bị trúng tên chết trong một trận giao chiến. Lợi dụng tình hình đó, Huệ Tông thân chinh đem quân đánh vào căn cứ của y nhưng bị thua phải chạy sang Đông Ngạn (Bắc Ninh) và sau đó tìm đường lên châu Lạng. Trần Tự Khánh được tin, cho người chặn đường đón Huệ Tông và rước về kinh đô.





Sống dưới sự bảo trợ của Trần Tự Khánh nhưng Huệ Tông cùng Thái hậu và một số cận thần vẫn mưu diệt trừ y. Tuy nhiên, lần này cũng lại thất bại. Vua cùng Thái hậu và những kẻ tâm phúc phải bỏ kinh thành chạy lên châu Lạng lần nữa. Trần Tự Khánh vẫn đóng ở Thăng Long và sai người đến châu Lạng rước vua về. Nhưng Huệ Tông nghe theo lời Thái hậu, không về với Tự Khánh mà đến Nam Sách tiếp tục tìm cách trừ họ Trần.



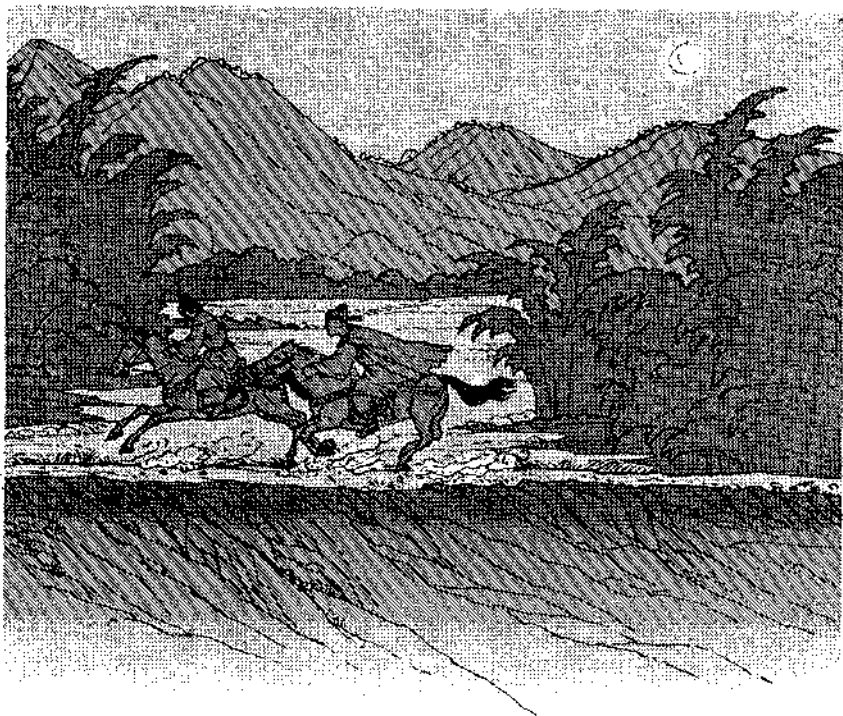
Không đón được Huệ Tông về, Tự Khánh lập Huệ Văn vương (con của Lý Anh Tông) lên ngôi vua (tức Nguyên vương). Lúc ấy, một số tướng của Tự Khánh như Nguyễn Nộn, Đỗ Bị làm phản, kéo quân về uy hiếp Thăng Long. Tự Khánh đốt kinh thành rồi đưa vua mới đến ở tại hành cung Lý Nhân (Phủ Lý, Hà Nam).

Lúc bấy giờ, chính quyền nhà Lý ở nhiều nơi hầu như đã tan rã. Nhiều tướng tâm phúc với triều Lý lại trở mặt làm phản. Vì vậy, Huệ Tông và Thái hậu tuy vẫn muốn tiếp tục chống Trần Tự Khánh nhưng không biết dựa cậy vào ai. Trước tình thế đó, Huệ Tông đành phải đưa Thái hậu quay về nương nhờ họ Trần.



Mùa xuân năm Bính Tý (1216), Huệ Tông sách phong cho Trần Thị Dung từ Ngự nữ lên làm Phu nhân Thuận Trinh. Thái hậu họ Đàm tuy phải nương nhờ họ Trần nhưng vẫn luôn mang lòng thù ghét. Vì vậy, việc Trần Thị Dung ở trong cung như là cái gai trước mắt. Nhiều lần bà mắng Trần phu nhân là giặc và bảo Huệ Tông đuổi đi. Thái hậu còn sai bỏ thuốc độc vào đồ ăn thức uống của phu nhân. Huệ Tông biết ý, mỗi bữa đều chia thức ăn của mình cho bà và sai hầu hạ bên mình, không dám cho đi đâu.





Lén bức hại mãi không được, Thái hậu tức giận, không cần giấu diếm, thẳng thừng sai người đem thuốc độc đến buộc Trần thị uống. Huệ Tông hết sức can ngăn mới thoát được. Sợ rằng cứ kéo dài tình trạng này thì có lúc vợ yêu phải chết dưới tay mẹ đẻ, đêm ấy Huệ Tông đành phải đưa bà trốn khỏi Thăng Long đến với Trần Tự Khánh. Khánh lập tức phế Huệ Văn vương để đón Huệ Tông.

Giữa năm 1216, phu nhân Thuận Trinh sinh hạ công chúa Thuận Thiên. Cuối năm đó, Huệ Tông lập bà làm Hoàng hậu và phong cho Trần Tự Khánh là Thái úy. Tự Khánh lần lượt đánh thắng các nhóm cát cứ khác và đưa Huệ Tông về kinh đô. Từ đó, triều đình đã có thể kiểm soát được các địa phương trong nước. Năm 1223, Trần Tự Khánh chết. Người anh là Trần Thừa được làm Phụ quốc thái úy. Em họ là Trần Thủ Độ được giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ, thống lĩnh cấm quân của triều đình.



Thời gian này, Huệ Tông thường nổi cơn điên, mùa may quay cuồng, tự xưng là thiên tướng giáng hạ. Khi hết cơn lại uống rượu ngủ li bì, nên quyền hành thật sự nằm trong tay họ Trần. Huệ Tông không có con trai, chỉ có hai người con gái: công chúa Thuận Thiên đã gả cho Trần Liễu (con cả của Trần Thừa) và công chúa Chiêu Thánh kém chị 2 tuổi. Năm 1224, Lý Huệ Tông nhường ngôi cho công chúa Chiêu Thánh, mới lên 7 tuổi, tức Lý Chiêu Hoàng. Quyền hành trong triều nằm trong tay của Trần Thủ Độ, một con người đầy mưu lược.







Trần Thủ Độ tìm cách lấy ngôi của nhà Lý về cho nhà Trần nên đưa Trần Cảnh, 8 tuổi, con thứ của Trần Thừa vào cung hầu hạ vị vua nhỏ. Lúc đầu Cảnh làm các công việc bên ngoài thánh cung. Sau đó, Cảnh được giao việc bưng nước cho Chiêu Hoàng rửa mặt nên vào hầu bên trong.

Chiêu Hoàng thấy Trần Cảnh cùng lứa tuổi nên thường trêu chọc, đùa giỡn. Có lần Cảnh bung chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng lấy tay vốc nước lên té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu. Khi Trần Cảnh bung trà thì Chiêu Hoàng lấy khăn ném vào Cảnh để đùa vui.



Những lúc như thế, Trần Cảnh không dám nói gì, nhưng khi về đều thuật lại cho Trần Thủ Độ nghe. Thấy đó là một cơ hội tốt để đoạt ngôi báu của họ Lý, Thủ Độ vừa mừng vừa lo, bảo: “Nếu thực như thế thì họ ta hoặc thành hoàng tộc hoặc là bị diệt”. Rồi ông căn dặn Trần Cảnh cách xử sự nếu Chiêu Hoàng lại tiếp tục đùa giỡn như thế.



Một hôm, Chiêu Hoàng lại ném khăn trầu vào Trần Cảnh. Nhớ lời chú họ đã dặn, Cảnh vội sụp lạy và thưa: “Bệ hạ có tha tội cho hạ thần không? Thần xin vâng mệnh”. Chiêu Hoàng cười bảo: “Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn rồi đó”.



Lập tức Trần Thủ Độ cho tập họp gia tộc họ Trần vào cung, đóng hết cửa thành, cấm không được ai ra vào và loan báo Chiêu Hoàng đã kết hôn với Trần Cảnh. Ít lâu sau, Trần Thủ Độ cho họp bá quan tại triều và theo sự sắp xếp của ông, vào ngày 11 tháng Chạp năm Ất Dậu (1225), Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho chồng. Chiếu nhường ngôi của Lý Chiêu Hoàng không chỉ kết thúc một năm làm vua của mình mà còn chấm dứt cả triều đại nhà Lý với 8 đời vua trị vì tổng cộng 216 năm.





*Ảnh trên: Tượng vua Lý Thần Tông thờ tại đền Đô tức đền Lý Bát Đế ở xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Ảnh dưới: Vết tích lăng Đường Gio (vua Lý Thần Tông), xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

*Ảnh: Ngọc Hải*



*Ảnh trên: Tượng vua Lý Anh Tông thờ tại đền Đô tức đền Lý Bát Đế, xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Ảnh dưới: Vết tích lăng Đường Thuần (vua Lý Anh Tông), xã Đình Bảng, Bắc Ninh*

*Ảnh: Ngọc Hải*





*Ảnh trên: Tượng vua Lý Cao Tông thờ tại đền Đô tức đền Lý Bát Đế, xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Ảnh dưới: Vết tích lăng Thủ Sơn (vua Lý Cao Tông), xã Đình Bảng, Bắc Ninh*

*Ảnh: Ngọc Hải*





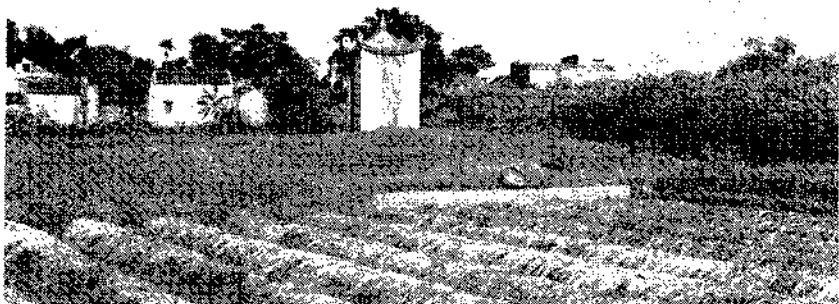
*Ảnh trên: Tượng vua Lý Huệ  
Tông thờ tại đền Đô tức đền  
Lý Bát Đế, xã Đình Bảng, Bắc  
Ninh*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Ảnh dưới: Vết tích lăng Long  
Trì (vua Lý Huệ Tông), xã Đình  
Bảng, Bắc Ninh*

*Ảnh: Ngọc Hải*

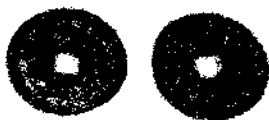




*Ảnh trên: Lăng Cửa mã tương truyền là lăng của Lý Chiêu Hoàng, xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

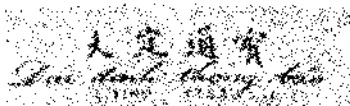
*Ảnh dưới: Tượng Lý Chiêu Hoàng thờ trong đền Rộng, xã Đình Bảng, Bắc Ninh.*

*Ảnh: Đức Hòa*



Ảnh trên: Đền rồng thờ Lý Chiêu Hoàng, nhìn phía trước mặt, xã Đình Bảng, Bắc Ninh.

Ảnh: Đức Hòa



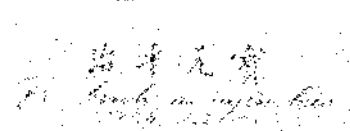
Ảnh dưới:

+ Tiền “Đại Định thông bảo” đời vua Lý Anh Tông (1136-1175).

+ Tiền “Trị Bình nguyên bảo” đời vua Lý Cao Tông (1175-1210).

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Ảnh: Đức Hòa





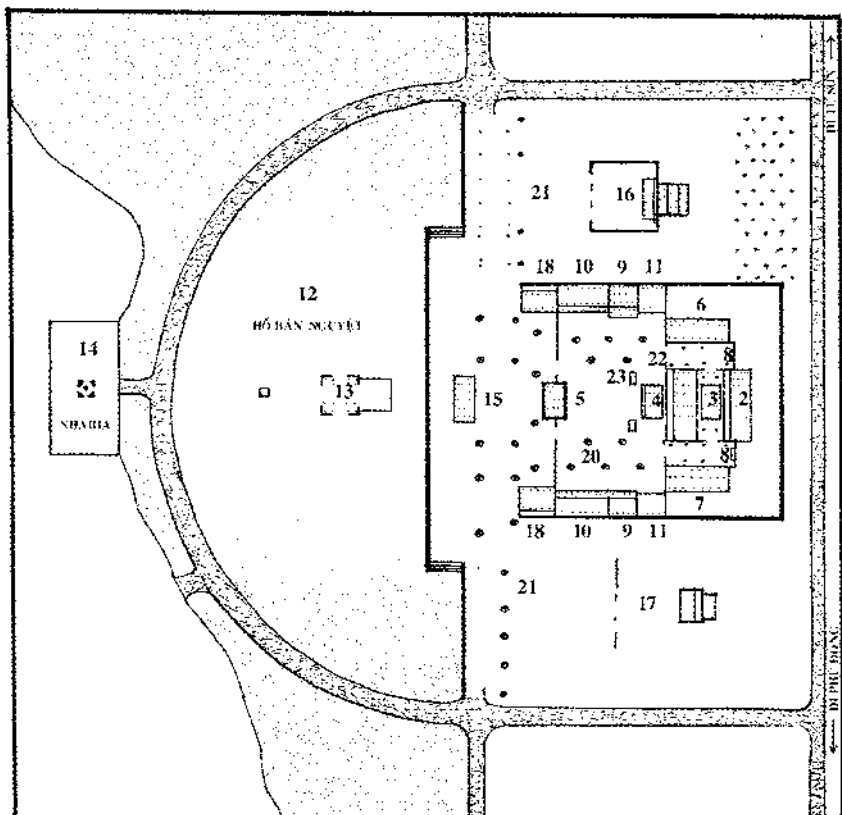
*Ảnh 1: Hang Thánh Hóa tương truyền là nơi Từ Đạo Hạnh đã đập đầu để hóa thân. Di tích trên núi chùa Thầy.*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Hình 2: Tượng thân mẫu Từ Đạo Hạnh chạm đá, tại chùa Lý Triều Quốc Sư, Hà Nội.*

*Hình 3: Tượng Từ Đạo Hạnh chạm đá, tại chùa Lý Triều Quốc Sư, Hà Nội.*

*Sách: Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.*



*Khu di tích đền Đô, nơi thờ 8 đời vua Lý. (theo tài liệu trưng bày tại đền)*

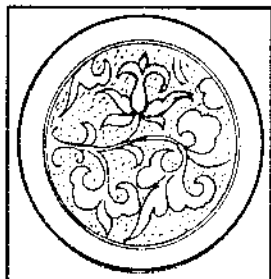
- |                    |                      |                            |
|--------------------|----------------------|----------------------------|
| 1. Nhà hậu cung    | 9. Đền vua Bà        | 17. Võ chi                 |
| 2. Nhà chuyển bông | 10. Nhà khách 1,2    | 18. Nhà hiệu               |
| 3. Nhà tiền tế     | 11. Nhà chủ tế H.C   | 19. Cột trụ                |
| 4. Nhà vương       | 12. Hồ bán nguyệt    | 20. Ngoại thất nội thành   |
| 5. Năm cửa rồng    | 13. Nhà múa rối nước | 21. Ngoại thất ngoại thành |
| 6. Nhà kiệu        | 14. Nhà bia          | 22. Cổng nội thành         |
| 7. Nhà ngựa        | 15. Nhà thủy tạ      | 23. Voi quỳ                |
| 8. Nhà bia         | 16. Văn chỉ          |                            |

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch). Tập 1. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
- *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao thời Lý*, Hoàng Xuân Hãn, NXB Văn học, Hà Nội, 1994.
- *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1992.
- *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, Trung tâm học liệu.
- *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, Trần Quốc Vượng và Trần Văn Tấn, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- *Việt sử giai thoại*, Nguyễn Khắc Thuần, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1993.
- *Danh nhân Hà Nội*, Hội văn nghệ Hà Nội, 1973.
- *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Thạch Phương, Lê Trung Vũ, NXB Khoa học xã hội, 1995.
- *Hà Nội - thủ đô nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Sự thật, 1984.
- *Hà Sơn Bình - di tích và thắng cảnh*, Sở VH TT Hà Sơn Bình, 1985.

PHỤ LỤC

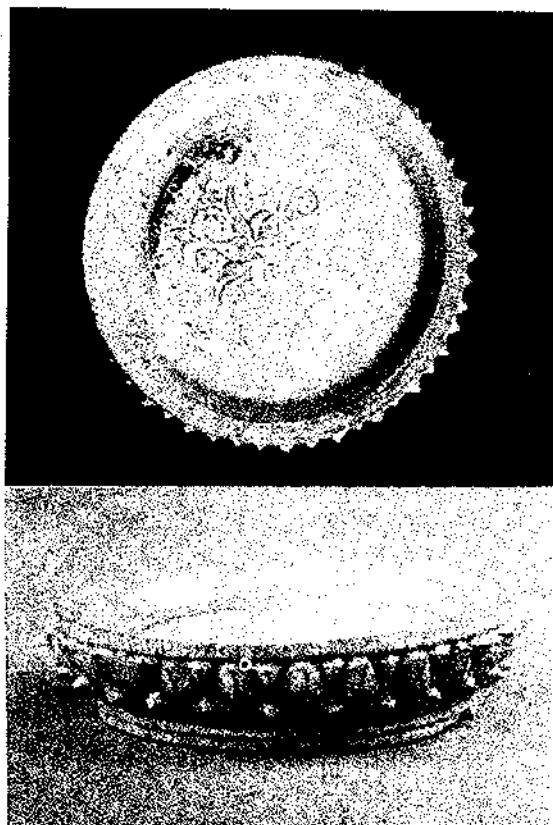
# NGHỆ THUẬT GỐM LÝ - TRẦN



BÙI HOÀI NAM  
NGUYỄN ĐỨC HÒA







*Đế gốm men ngọc dùng để đỡ ly rượu hoặc bát cơm.  
Thế kỷ 11-12. Cao 3cm. Hoa văn lòng đĩa khắc chìm.  
Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.*

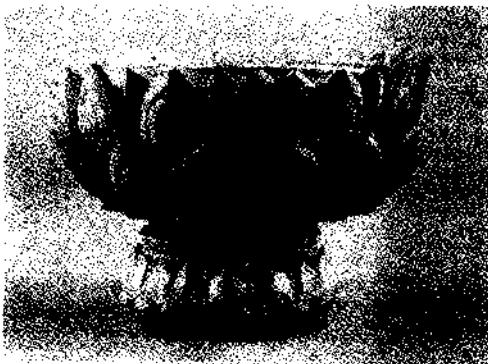
Nghề gốm ở Việt Nam vốn có truyền thống lâu đời. Từ thế kỷ 11, cùng với việc nhà Lý lên ngôi, kỷ nguyên độc lập và thịnh vượng của Đại Việt bắt đầu. Và cũng từ đây, Việt Nam đã có nghệ thuật chế tác gốm mang bản sắc dân tộc độc đáo. Do việc dời đô về Thăng Long năm 1010, nhiều trung tâm sản xuất gốm đã xuất hiện ở châu thổ sông Hồng và tiếp tục phát triển đến nhiều thế kỷ sau như Bát Tràng, Phú Lãng, Thổ Hà, Hương Canh...

Đầu tiên phải nói đến những sản phẩm gốm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, kiến trúc rất lớn thời bấy giờ. Với nhiều kỹ thuật tạo khối, trở thủng, đập nổi, chìm v.v... phối hợp với hoa văn trang trí cúc, sen, rồng, đầu đao, tượng tròn, con giống... cho ta hình dung một phần sự tráng lệ của các công trình kiến trúc thời đó. Đồ gốm dân dụng cũng có nhiều loại, gồm *hoa nâu*, gồm *men ngọc*, gồm độc sắc, sành không men... Có nhiều đồ gốm khá lớn, kiểu dáng tinh tế chứng tỏ sự chuyên môn hóa cao của các nghệ nhân gốm thế kỷ 11-12. Gốm *hoa nâu* (là loại gốm kết hợp giữa kỹ thuật khắc vạch họa tiết bằng cào tay, hoặc que tre, điểm men nâu sẫm sau đó phủ men trắng hoặc ngà) thường được làm các loại đồ đựng lớn như thạp, chum, ang, chậu... Về kiểu dáng, phổ biến nhất vẫn là các loại thạp, chum: vai đắp nổi hình cánh sen, thân vẽ men nâu hình nhân vật, chim, thú đến hoa văn hình dây leo sen, cúc. Nói chung cái đẹp của gốm *hoa nâu* là sự thống nhất đến dung dị, hài hòa giữa đồ án trang trí, kiểu dáng và thẩm đậm tinh thần Phật giáo. Ngược lại, gốm *men ngọc* thanh nhã, sang trọng, mang nhiều tính chất cung đình, hình dáng thường chất lộc mầu từ hoa, quả tự nhiên.



Hay gặp nhất là loại bát, đĩa có chân đế rất nhỏ, miệng loe rộng, uốn lượn hình lá sen hoặc thân bát, lòng bát vuốt gờ hình cánh hoa sen, hoa súng. Màu men xanh trong như ngọc bích, họa tiết hoa dây lúc khắc chìm, khi dập nổi, ẩn hiện như gấm, như mây rất tinh xảo.

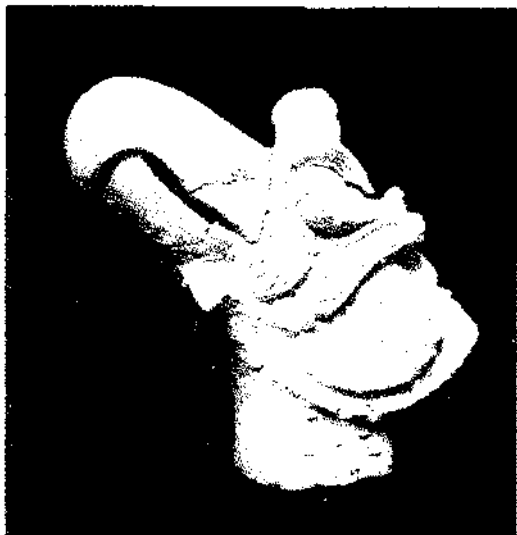
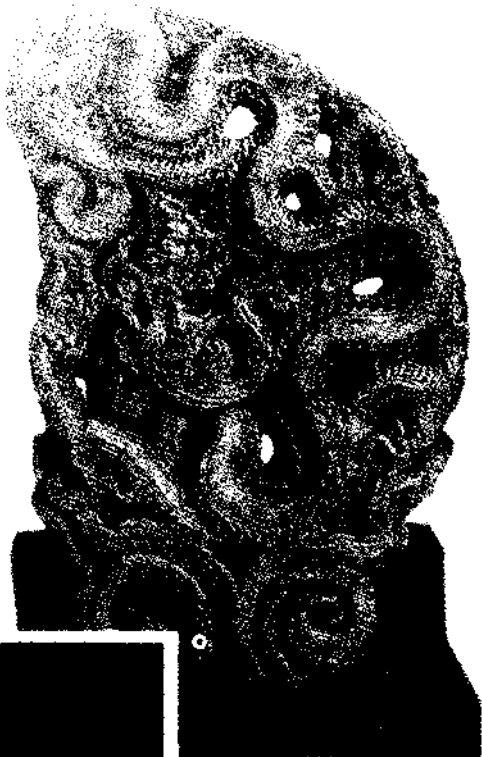
Phải nói trong 200 năm phát triển dưới vương triều nhà Lý, nghệ thuật nói chung và nghệ thuật chế tác gốm nói riêng đã đạt được nền móng vững chắc cho sự kế thừa nghệ thuật thời Trần và cả sự tiếp nối cho những thế kỷ sau. Nó đã khẳng định chỗ đứng cho một nền nghệ thuật dân tộc độc đáo, đó là sự kết hợp hài hòa ảnh hưởng bên ngoài với truyền thống bản địa, giữa tôn giáo, vương quyền và thực tế đời sống của nhân dân. Nó mở đầu cho một giai đoạn văn hóa rực rỡ trong lịch sử, dòng chảy văn hóa Lý - Trần, mà gốm Lý - Trần có thể nói là đỉnh cao của nghệ thuật gốm trong lịch sử phong kiến Việt Nam.



Ảnh 1: Hình gốm con vệt trên chân đế hình cánh sen, men màu trắng ngà. Đây có lẽ là loại men có sớm nhất trong các loại men gốm thời Lý. Chiếc bình này có thể dùng làm đèn dầu. Niên đại thế kỷ 11-12. Dài 17,2cm. Sưu tập của Hội gốm Đông Nam Á - Nhật Bản.

Ảnh 2: Chiếc nén hình bông sen nở trên chân đế hình cánh hoa sen. Đồ án trang trí mô phỏng bông hoa sen đang nở này được dùng khá nhiều trong các sản phẩm gốm Lý. Niên đại thế kỷ 11-12. Đào được ở Thanh Hóa. Đường kính 13cm. Sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật và Lịch sử hoàng gia Bỉ - Brussel.

*Phù điêu trở thưng bằng gốm đất nung dùng để trang trí mái nhà, chạm thưng rồng uốn khúc trên hình chiếc lá đề (biểu tượng của Phật giáo). Niên đại thế kỷ 11-12. Sưu tập của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Hà Nội.*



*Đầu con chim phượng bằng đất nung, dùng trang trí các đầu mái nhà. Cách tạo hình đầy đặn, thể hiện cái bên ngoài uy quyền nhưng không thiếu chất mềm mại nữ tính, đặc trưng cho nghệ thuật thời Lý. Niên đại thế kỷ 11-13. Cao 45cm. Đào được ở Hà Bắc. Sưu tập cá nhân - Hà Nội.*

Gốm thời Trần: Cách tạo dáng món đồ thường chắc chắn, cốt gốm dày hơn, hoa văn trang trí thường được viền khung khúc chiết. Đặc biệt gốm thời Trần quan tâm nhiều hơn đến men độc sắc: trắng, lục, nâu mật... Bắt đầu phát triển mạnh loại gốm vẽ hoa văn lam hoặc chàm dưới men (gốm *hoa lam*) với nhiều loại bát, chén có chân đế cao, lọ hình đàn tỳ bà, chân đèn... Cách tạo dáng khỏe, bề thế; nét hoa văn điêu luyện, tinh xảo; phân bố hoa văn có phần dày đặc, chặt chẽ. Cũng vào thời Trần, đồ gốm đã được dùng phổ biến trong dân chúng và vào khoảng thế kỷ 14, gốm Việt Nam phục vụ thị trường trong nước chuyển sang sản xuất xuất khẩu.

Tiếp tục dòng chảy của gốm Lý (gốm Lý nhẹ nhàng uyển chuyển, nặng tính lý tưởng hóa và huyền bí), gốm thời Trần mạch lạc, mạnh mẽ, nặng tính biểu cảm và hiện thực.

Đồ gốm thời Lý - Trần đã để lại cho chúng ta những tác phẩm mỹ thuật quý báu, trong đó chứa đựng một phần tinh hoa văn hóa của dân tộc.



1



2

Ảnh 1: Bình men trắng tro hoa nâu, thế kỷ 13-14. Bảo tàng Nam Định.

Ảnh 2: Thạp men vàng hoa nâu, vại và chân đế đắp nổi hình cánh sen. Thế kỷ 13-14. Bảo tàng Nam Định.

Ảnh: Trịnh Mạc



Ảnh trên: Hình chiến sĩ đầu võ và voi trên  
thổng gốm. Thế kỷ 13 (cuối Lý đầu Trần).

Ảnh dưới và bên: Hình vẽ trên gốm. Kho  
Văn Miếu, Hà Nội. Đầu thế kỷ 13.

Ảnh: Sách Mỹ thuật thời Lý.





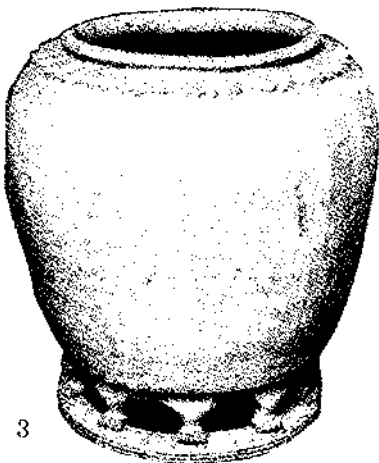


Ảnh 1: Thạp gốm hoa nâu, vai đắp nổi hình cánh sen, trang trí bằng cách khắc vạch họa tiết hình voi màu nâu, giữa hai giải băng vẽ hình hoa lá, phủ men trắng ngà. Niên đại thế kỷ 12-14. Cao 31cm. Sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Boston (Mỹ).

1

2

Ảnh 2: Thạp gốm hoa nâu có chân, phần đáy tiếp giáp chân và phần vai đắp nổi hoa văn hình cánh sen, họa tiết phần hoa dây cách điệu đơn giản, khỏe, bố cục chặt chẽ trong 6 ô. Chân đế dày dặn, trở thùng vững chãi, đặc trưng của sản phẩm gốm hoa nâu thời Trần. Cao 27cm. Niên đại thế kỷ 13-14. Đào được ở Thanh Hóa. Sưu tập cá nhân - Hà Nội.



3

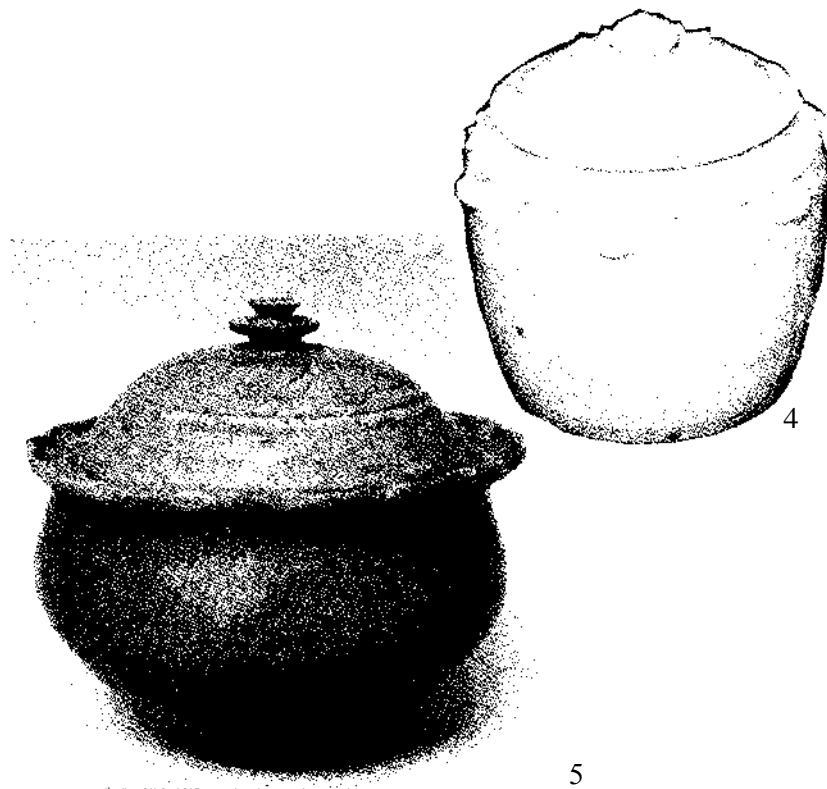




Ảnh 3: Thạch gốm men ngà, vai đắp nổi cánh sen kép, chân đế thạch trở thủng hình tượng 10 chân rồng đứng trên những cánh sen điểm men nâu. Thạch khá lớn, chứng tỏ trình độ cao của nghệ nhân gốm thời này. Niên đại thế kỷ 12-13. Đường kính 12cm. Đào được ở Hòa Bình. Suu tập cá nhân - Hà Nội.

Ảnh 4: Liễn gốm men trắng ngà, rạn nhỏ - vai đắp nổi hình cánh sen kép, có sáu vấu nhỏ. Nắp dầy cũng dùng hình tượng hoa sen tạo ra sự thống nhất cao độ trong sản phẩm. Thân liễn được chia làm sáu ô tạo cảm giác chắc chắn. Cao 23cm. Niên đại thế kỷ 13-14. Tìm được ở ngoại thành Hà Nội. Suu tập cá nhân - Hà Nội.

Ảnh 5: Ang gốm men ngọc, đáy nhỏ, thân bông, nắp dầy có vành uốn lượn hình lá sen, thân ang và nắp khắc vạch hình cánh sen. Đây là sản phẩm được sản xuất nhiều trong giai đoạn này, hình dáng được chất lọc với tỷ lệ cân đối. Cao 15cm. Niên đại TK 13-14. Đào được ở Hòa Bình. Suu tập cá nhân - Hà Nội.



1. Chậu lớn gốm hoa nâu phủ men trắng ngà, miệng hơi loe, vai đắp nổi hình cánh sen, trang trí họa tiết hoa cúc dây bằng kỹ thuật khắc vạch kết hợp giữa mảng đặc và chấm bằng men nâu. Kỹ thuật vẽ hoa văn bằng chấm có lẽ là kỹ thuật riêng của người Việt, tiếp nối từ truyền thống gốm cổ Đông Sơn. Niên đại thế kỷ 12-14. Đường kính 33cm. Sư tập cá nhân - Hà Nội.



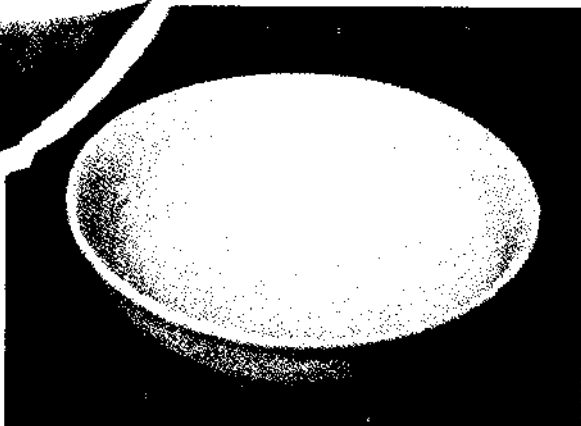
1



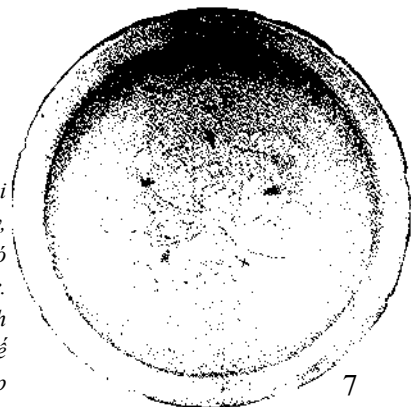
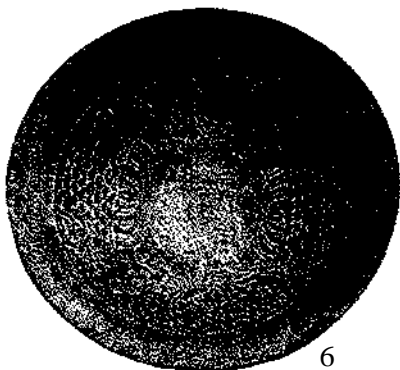
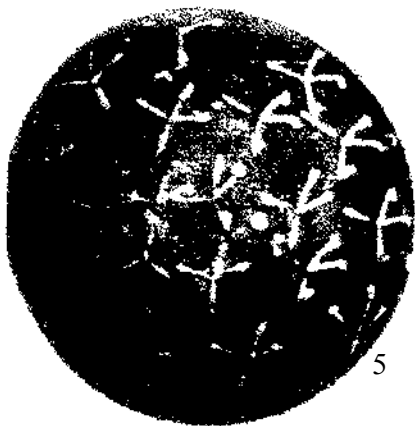
2



3



4



2. Bát lớn men vàng, trang trí bằng hai đường chấm màu nâu ở gần miệng và đáy, cách tạo dáng đầy đặn. Chiếc bát này có thể dùng để đi khất thực của các nhà sư. Vào thời Lý - Trần, Phật giáo rất thịnh hành và được coi là quốc đạo. Niên đại thế kỷ 12-14. Đường kính miệng 16cm. Sư tập cá nhân - Hà Nội.

3-4. Hai chiếc bát gốm men ngọc, một đắp nổi hình cánh hoa súng ở thân, một khắc chìm hoa văn hoa sen ở trong lòng và thân bát. Các loại gốm men ngọc thường được quan tâm nhiều nhất đến chất lượng men phủ, càng trong và xanh giống màu ngọc bích thì càng quý. Cách tạo dáng thường dày dặn và chắc chắn. Đường kính 11-13cm. Niên đại thế kỷ 12-14. Sư tập cá nhân - Hà Nội.

5. Đĩa gốm vẽ vết chân chim. Kho Văn Miếu - Hà Nội.

6. Đĩa gốm men da lươn, khắc chìm, phủ men. Bảo tàng Lịch sử - thành phố Hồ Chí Minh.

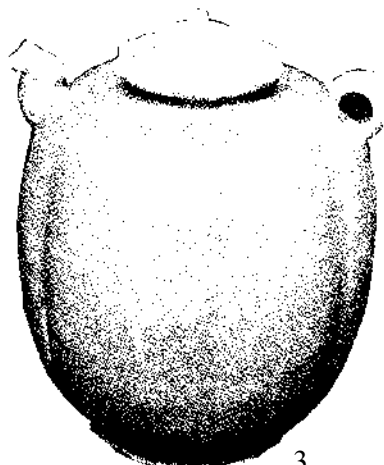
7. Đĩa nông lòng men trắng ngà, họa tiết hoa cúc cách điệu bằng kỹ thuật khắc vạch bằng que tre, đường nét uyển chuyển, điêu luyện, nét khắc mềm mại có cảm giác như được dùng bằng bút lông, mực Tàu trong tranh thủy mặc. Niên đại thế kỷ 12-13. Đường kính 25cm. Đào được ở Thanh Hóa. Sư tập cá nhân - Hà Nội.



1



2



3

4



5



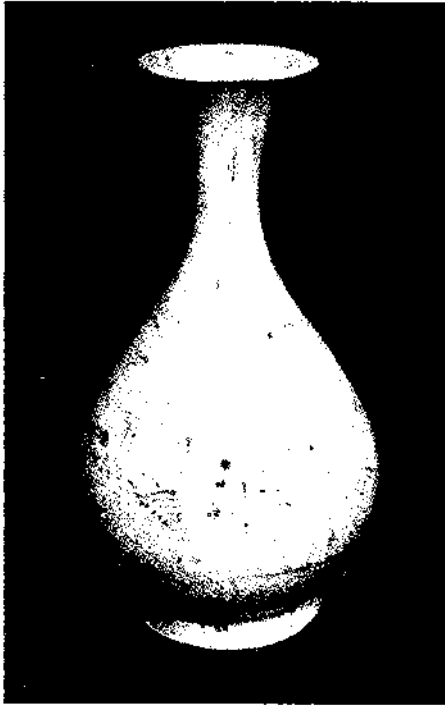
1. Bát miệng lượn hình lá sen, vẽ màu nâu sẫm phủ men trắng tro, một loại men khá phổ biến ở các sản phẩm gốm bình dân thế kỷ 13-14. Vẽ theo lối phóng bút của nghệ thuật thư họa, đề tài hoa văn trang trí được đơn giản đến mức tối thiểu. Đường kính 14cm. Thế kỷ 13-14. Sưu tập cá nhân - Hà Nội.

2. Ấm chuyên rượu hình đàn tì bà, men màu nâu mật. Thân ấm đắp nổi họa tiết rồng cuộn tròn, khá phổ biến thời Lý. Thế kỷ 11-12. Cao 12cm. Đào ở Hải Dương. Sưu tập cá nhân.

3. Ấm men ngọc hình quả hồng tạo thành 6 múi, quai nhỏ dùng để trang trí, vòi ấm có họa tiết hình mây cách điệu, nắp lượn hình lá sen. Cao 18cm. Thế kỷ 13-14. Đào ở Thanh Hóa. Sưu tập cá nhân - Hà Nội.

4. Ấm và chén men màu nâu mật, bụng phình to, cổ ấm thu nhỏ, miệng loe, vòi ấm trang trí hình lá hoa cúc cách điệu. Lớp men phủ chảy tự nhiên, chỗ đậm chỗ nhạt mềm mại. Trong các sản phẩm gốm của người Việt, có lẽ phong phú nhất về kiểu dáng vẫn là các dạng ấm. Cao 18,5cm. Thế kỷ 13-14. Đào được ở Hà Tây. Sưu tập cá nhân - Hà Nội.

5. Ấm thân chia làm nhiều múi, men trắng ngà, vòi dài có nhiều cạnh, miệng cuộn tròn, vai ấm hình cánh sen đắp nổi, hai tay cầm dùng để trang trí, để thắt hình đòn. Thế kỷ 11-13. Cao 13,5cm. Sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Boston - Mỹ.



1



2

1. Lọ dáng đàn tỳ bà, bụng phình, cổ thắt nhỏ, miệng loe, vẽ màu sắt dưới men trắng. Đây là sản phẩm mang tính mỹ thuật cao, ảnh hưởng của gốm thời Nguyên - Trung Quốc. Sản phẩm được trau chuốt kỹ lưỡng, nhịp nhàng về tỉ lệ. Thân lọ vẽ chia làm tám ô, viết bốn chữ “kim hồ đắc ngọc”, có nghĩa là cái lọ vàng đựng nước ngọc. Giữa các ô chữ là ô vẽ hoa văn hình sóng nước. Đối lập với sự chặt lặc trong cách tạo dáng chiếc lọ là nét vẽ phóng bút mềm mại mang nặng tinh thần nghệ thuật thư pháp. Cao 35,5cm. Thế kỷ 13-14. Suối tấp cá nhân - Hà Nội.

2. Chân đèn gốm hoa lam, vai và cổ đèn đắp nổi hình đầu voi giữa hai đường viền phủ men màu nâu sắt. Giai đoạn này, gốm hoa lam Việt Nam đã đạt trình độ cao về kỹ thuật men và kỹ thuật cũng như nghệ thuật thể hiện. Cách tạo dáng đầy đặn, chắc chắn, hoa văn nhiều tầng lớp, nét vẽ tinh xảo. Thế kỷ 14. Cao 16,5cm. Suối tấp cá nhân - Hà Nội.

3. Liễn gốm men rạn, hoa nâu. Thế kỷ 14. Cao 32,5cm. Bảo tàng Lịch sử - Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hai bát gốm men hoa lam. Thế kỷ 13-14. Bảo tàng Nam Định.  
 Ảnh: Sách Mỹ thuật thời Trần.





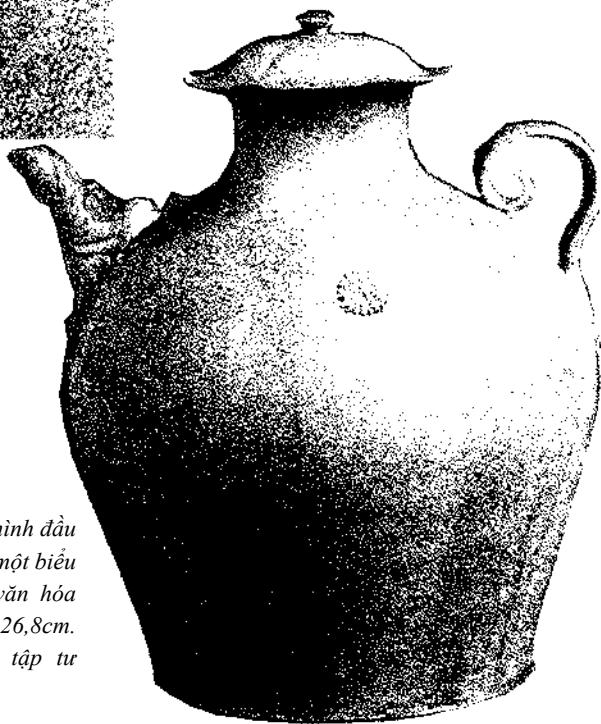
Trên: Hũ sành có hoa văn vạch dọc ở thân và hoa văn hình cánh sen ở vai và chân. Cao 13,3cm. Thế kỷ 12-14. Sưu tập của Eric Zetlerquist.

Dưới: Đĩa đèn dầu lạc ở giữa có tượng con chó. Đường kính 16cm. Thế kỷ 14. Sưu tập tư nhân.





*Trích đoạn vôi ám để thấy rõ hơn hình đầu chim thần Garuda.*



*Ám nước có vôi tạo hình đầu chim thần Garuda - một biểu hiện của giao lưu văn hóa Việt - Chăm. Cao 26,8cm. Thế kỷ 12-13. Lưu tập tư nhân.*

Các hình ở trang 96, 97, hình số 1 ở trang 102, hình số 4 ở trang 107, trang 110, 111 lấy từ cuốn “Gốm Việt Nam” (Vietnamese Ceramics) của John Stevenson và John Guy do Art Media Resources xuất bản năm 1997.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 20

NHÀ LÝ SUY VONG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC PHƯƠNG - LIÊN HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VẠN HẠNH

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH  
BUỔI ĐẦU ĐỌC LẬP - ĐỊNH - TIỀN LÊ - LÝ

